

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**TÀI LIỆU TÌM HIỂU CHƯƠNG TRÌNH
MÔN NGOẠI NGỮ**

(Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018)

(Cấp Tiểu học)

HÀ NỘI, 2020

Mục lục

1. Đặc điểm môn học	5
2. Nguyên tắc xây dựng chương trình.....	7
3. Mục tiêu chương trình.....	5
3.1. Căn cứ xác định mục tiêu.....	11
3.2. Mục tiêu chung.....	13
3.3. Mục tiêu cụ thể ở cấp Tiểu học.....	14
4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực.....	15
4.1. Căn cứ xác định yêu cầu cần đạt.....	15
4.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và đóng góp của môn Tiếng Anh trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho học sinh.....	18
4.3. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực chung cho học sinh.....	18
4.4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển năng lực đặc thù cho học sinh	20
5. Nội dung giáo dục.....	23
5.1. Căn cứ xác định nội dung	23
5.2. Định hướng xây dựng nội dung	26
5.3. Nội dung khái quát.....	27
5.4. Nội dung cụ thể.....	31
6. Phương pháp giáo dục (PPGD).....	32
6.1. Giới thiệu chung.....	32
6.1.1. Cơ sở xác định PPGD	32
6.1.2. Định hướng chung	33
6.2. Một số lưu ý về PPGD đối với lớp 1-2	36
6.2.1. Đặc điểm học sinh lớp 1-2	36
6.2.2. Phương pháp giáo dục.....	38
6.2.3. Một số hoạt động dạy học gợi ý.....	41
6.3. Một số lưu ý khi dạy học phát triển năng lực giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết)	44
6.3.1. Năng lực và chương trình giáo dục phổ thông phát triển năng lực của người học.....	44

6.3.2. Các kĩ năng tiếp nhận ngôn ngữ	50
6.3.3. Các kĩ năng tạo lập ngôn ngữ	51
6.4. Vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Anh..	54
7. Đánh giá kết quả giáo dục.....	57
7.1. Đối với lớp 1-2.....	57
7.2. Đối với lớp 3-5.....	58
7.2.1. Căn cứ xác định mục tiêu, nội dung và cách thức đánh giá	58
7.2.2. Định hướng chung	59
7.3. Mục đích và nguyên tắc đánh giá	60
7.3.1. Mục đích đánh giá.....	61
7.3.2. Nguyên tắc đánh giá.....	61
7.4. ĐGTX lồng ghép trong quá trình dạy học	62
7.5. Đánh giá và đặc điểm lứa tuổi học sinh tiểu học	64
7.6. Đánh giá năng lực trong dạy học tiếng Anh	65
7.7. Mục tiêu đánh giá.....	66
7.8. Một số phương thức đánh giá năng lực cho học sinh tiểu học	67
7.9. Ghi chép và tổng hợp báo cáo về kết quả giáo dục	71
8. Xây dựng kế hoạch giáo dục môn Ngoại ngữ.....	74
8.1. Tổ chuyên môn ngoại ngữ cấp tiểu học	74
8.2. Xây dựng Kế hoạch dạy học môn Ngoại ngữ của Tổ chuyên môn.....	75
8.2.1. Tổng quan về Kế hoạch dạy học môn học.....	75
8.2.2. Nội dung của kế hoạch dạy học môn học	75
8.3. Hoạt động phát triển chuyên môn cá nhân	77
8.3.1. Hoạt động theo kế hoạch của tổ chuyên môn	77
8.3.2. Hoạt động cá nhân	78

1. Đặc điểm môn học

Tiếng Anh được dạy học ở cấp tiểu học (TH) bao gồm Tiếng Anh lớp 1-2 (môn học tự chọn) và Tiếng Anh lớp 3-5 (môn học bắt buộc). Tiếng Anh lớp 1-2 được triển khai theo Chương trình Làm quen Tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 và Tiếng Anh lớp 3-5 được triển khai theo Chương trình môn Tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT.

1.1. Chương trình Làm quen Tiếng Anh lớp 1 và lớp 2

Chương trình Làm quen Tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 (sau đây gọi tắt là Chương trình môn Tiếng Anh lớp 1-2) được xây dựng để đáp ứng nhu cầu làm quen với tiếng Anh của học sinh lớp 1 và lớp 2 trong bối cảnh môn học Tiếng Anh được đưa vào chương trình học chính thức cho học sinh tiểu học bắt đầu từ lớp 3. Với vai trò là một trong những môn học có tính công cụ ở trường phổ thông, môn học này không chỉ giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà còn hình thành và phát triển các năng lực chung và năng lực thẩm mỹ; để sống và làm việc hiệu quả; để học tập tốt các môn học khác cũng như để học suốt đời.

Chương trình được xây dựng như một môn ngoại ngữ tự chọn cho học sinh lớp 1, lớp 2 và đảm bảo tính liên thông với chương trình môn Tiếng Anh được dạy từ lớp 3 đến lớp 12. Trong quá trình tổ chức thực hiện môn học này với tư cách là môn tự chọn, nhà trường cần xét đến các điều kiện thực hiện phù hợp để Chương trình đạt hiệu quả cao nhất.

Đặc điểm của học sinh lứa tuổi sáu, bảy là phát triển ngôn ngữ thông qua trải nghiệm thế giới. Học sinh có thiên hướng lĩnh hội ngôn ngữ một cách tự nhiên hơn là lĩnh hội ngôn ngữ một cách có chủ đích. Đồng thời, các em cũng đang trong giai đoạn học đọc và viết tiếng mẹ đẻ. Vì những lí do này, Chương trình ưu tiên phát triển kĩ năng nghe hiểu thông qua những tình huống giao tiếp đơn giản hằng ngày và thông qua những câu chuyện, bài vẽ và bài hát. Kĩ năng nói đơn giản có thể được phát triển theo độ sẵn sàng của học sinh.

Chương trình được thiết kế và phân bổ cho 140 tiết học trong 4 học kì (2 kì của lớp 1 và 2 kì của lớp 2). Nội dung Chương trình và mục tiêu dạy học

được lựa chọn và sắp xếp dựa theo mục tiêu năng lực giao tiếp. Việc kiểm tra đánh giá được lồng ghép vào các hoạt động trên lớp.

1.2. Chương trình môn Tiếng Anh lớp 3-5

Môn Tiếng Anh cấp TH là môn học thuộc lĩnh vực Giáo dục ngôn ngữ và văn học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CT GDPT 2018) tổng thể. Trong chương trình môn Tiếng Anh, đặc điểm của môn học được thể hiện thông qua: (i) vị trí và tên gọi của môn học; (ii) vai trò và đặc thù của môn học trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường phổ thông; (iii) mối quan hệ với các môn học và hoạt động giáo dục khác trong CTGDPT; (iv) nội dung cốt lõi của môn học.

(i) Theo CT GDPT 2018, môn Tiếng Anh được dạy học ở cả ba cấp Tiểu học (TH), THCS, THPT và có tên gọi là môn Tiếng Anh thống nhất cho cả 3 cấp học với thời lượng cụ thể như sau:

TH (4 tiết/tuần)			THCS (3 tiết/tuần)				THPT (3 tiết/tuần)			Tổng số
lớp 3	lớp 4	lớp 5	lớp 6	lớp 7	lớp 8	lớp 9	lớp 10	lớp 11	lớp 12	
140 tiết	140 tiết	140 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	105 tiết	
420 tiết			420 tiết				315 tiết			1155 tiết

(ii) Là một trong những môn học công cụ ở trường phổ thông, môn Tiếng Anh không chỉ giúp học sinh (HS) hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh, trang bị cho HS một công cụ giao tiếp quốc tế quan trọng để trao đổi thông tin, tri thức khoa học và kỹ thuật tiên tiến, tìm hiểu các nền văn hoá... mà còn chú trọng đến mục tiêu hình thành và phát triển các năng lực chung theo qui định của CT GDPT 2018 tổng thể (đó là các năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) và các phẩm chất tốt đẹp để HS có thể học tập tốt các môn học khác, để sống và làm việc hiệu quả và để học suốt đời.

(iii) Với tư cách là môn học bắt buộc trong CT GDPT 2018, môn Tiếng Anh có mối liên quan trực tiếp và tác động qua lại với nhiều môn học/nội dung giáo dục khác như Ngữ văn/Tiếng Việt, Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lí, Nghệ thuật, Giáo dục thể chất, Tin học, Hoạt động trải nghiệm. Bên cạnh đó, tiếng Anh còn là phương tiện để dạy và học các môn học khác, đặc biệt là môn Toán và các môn khoa học tự nhiên. CT GDPT 2018 môn Tiếng Anh nhấn mạnh đến tính công cụ và tính chất tổng hợp, liên môn của môn học, thể hiện rõ mối quan hệ qua lại giữa môn Tiếng Anh và các môn học khác. Xuất phát từ đặc thù của nội dung môn học, môn Tiếng Anh mang tính tổng hợp cao, bao gồm cả tri thức văn hóa, đạo đức, triết học, lịch sử, địa lí, ... và liên quan tới nhiều môn học và hoạt động giáo dục khác như Lịch sử, Địa lí, Nghệ thuật, Đạo đức, Giáo dục công dân... Là môn học công cụ, các kĩ năng được phát triển trong môn Tiếng Anh sẽ hỗ trợ HS học các nội dung khác của học vấn phổ thông; ngược lại nội dung giáo dục của các môn học khác cung cấp chất liệu để môn Tiếng Anh khai thác trên cơ sở yêu cầu người học liên hệ và vận dụng vào thực tiễn đời sống.

(iv) Nội dung cốt lõi của môn Tiếng Anh được thể hiện qua hệ thống chủ điểm và chủ đề, năng lực giao tiếp, kiến thức ngôn ngữ được coi là phương tiện cần thiết để hình thành và phát triển năng lực giao tiếp phù hợp với yêu cầu cần đạt ở mỗi giai đoạn học tập. Ở cấp TH, nội dung dạy học tiếng Anh tập trung vào giúp HS hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, đặc biệt là hai kĩ năng nghe và nói ở giai đoạn đầu cấp, thông qua luyện tập thực hành để tiến đến phát triển đồng đều cả bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết ở giai đoạn học tập tiếp theo.

2. Nguyên tắc xây dựng chương trình

2.1. Chương trình Làm quen Tiếng Anh lớp 1 - 2

1. Chương trình tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể gồm định hướng chung cho tất cả các môn học về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục, điều kiện thực hiện và phát triển chương trình.

2. Chương trình được xây dựng dựa trên nền tảng lí luận và thực tiễn, cập nhật thành tựu của khoa học hiện đại. Cơ sở lí luận và thực tiễn của chương

trình: Các kết quả nghiên cứu về giáo dục học, tâm lí học và phương pháp dạy học Tiếng Anh hiện đại; các thành tựu nghiên cứu về ngôn ngữ tiếng Anh; phương pháp xây dựng chương trình môn Tiếng Anh như một ngoại ngữ của một số nước trên thế giới và kinh nghiệm xây dựng chương trình của Việt Nam; thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện kinh tế và truyền thống văn hoá Việt Nam, chú ý đến sự đa dạng của đối tượng học sinh xét về phương diện vùng miền, điều kiện và khả năng học tập.

3. Chương trình được xây dựng theo đường hướng giao tiếp. Theo đó, năng lực giao tiếp là mục tiêu của quá trình dạy học; kiến thức ngôn ngữ là một trong các phương tiện để hình thành và phát triển các kĩ năng giao tiếp. Ở hai lớp đầu cấp Tiểu học này, việc dạy học cần nhấn mạnh đến kĩ năng nghe hiểu. Kĩ năng nói đơn giản có thể được phát triển tùy theo mức độ sẵn sàng của học sinh.

4. Chương trình được sắp xếp theo mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp. Mục tiêu ngôn ngữ được xác định làm phương tiện để hình thành và phát triển năng lực giao tiếp tương ứng. Hệ thống chủ điểm, chủ đề được lựa chọn gần gũi với người học, có thể lặp lại, mở rộng qua các năm học để củng cố năng lực giao tiếp của học sinh.

5. Chương trình được xây dựng theo quan điểm Thiết kế Trung tâm. Trong quan điểm này, phương pháp dạy học là yếu tố được xem xét đầu tiên để từ đó xác định nội dung và yêu cầu đầu ra. Chương trình nhấn mạnh đến những yếu tố sau đây: a) Phương pháp và các nguyên tắc dạy học là nhân tố rất quan trọng trong quá trình dạy và học.

b) Tiến trình học tập của người học được chú trọng hơn mục tiêu, yêu cầu cần đạt đã xác định từ trước.

c) Học sinh phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua hoạt động học tập tích cực, chủ động và sáng tạo; thông qua hoạt động trải nghiệm; với tư cách là những cá thể độc lập.

d) Điều kiện dạy học tiếng Anh đa dạng ở các địa phương.

đ) Giáo viên đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức, hướng dẫn quá trình dạy học, khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập.

2.2. Chương trình môn Tiếng Anh lớp 3-5

Chương trình môn Tiếng Anh ở phổ thông được xây dựng dựa trên những nguyên tắc cơ bản như sau:

Nguyên tắc 1. Chương trình môn Tiếng Anh tuân thủ các quy định được nêu trong CT GDPT 2018 tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm các định hướng chung về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục và điều kiện thực hiện chương trình. Quan điểm này giúp cho việc xây dựng Chương trình môn Tiếng Anh thống nhất với CT GDPT 2018 tổng thể, nhất quán với chương trình tất cả các môn học khác trong việc xác lập, định hướng nội dung cũng như cách thức diễn giải, trình bày.

Nguyên tắc 2. Chương trình môn Tiếng Anh được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực người học, trong đó năng lực giao tiếp là mục tiêu quan trọng nhất của quá trình dạy học (còn gọi là năng lực chuyên môn hay năng lực đặc thù của môn học) bên cạnh những năng lực chung khác quy định trong CT GDPT 2018 tổng thể. Để hình thành và phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh, kiến thức ngôn ngữ đóng vai trò là phương tiện để hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết. Ở cấp tiểu học (lớp 3-5), cần ưu tiên phát triển hai kỹ năng nghe và nói. Ở cấp THCS, các kỹ năng giao tiếp nghe và nói vẫn được tiếp tục phát triển và thông qua luyện tập kết hợp các kỹ năng để tiến tới phát triển đồng đều cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp THPT.

Quan điểm xây dựng chương trình theo định hướng phát triển năng lực người học là một trong những xu thế nổi bật hiện nay ở nhiều nước có nền giáo dục phát triển, hướng tới mục tiêu hình thành và phát triển cho HS những năng lực cốt lõi, cần thiết để học tập và làm việc trong thế kỷ XXI. Đồng thời, Chương trình môn Tiếng Anh được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp thông qua nghe, nói, đọc, viết theo các cấp độ tăng dần xuyên suốt ở cả ba cấp học sẽ bảo đảm tính chất thống nhất, phát triển, tăng tiến trong toàn bộ nội dung chương trình. Định hướng này thể hiện rõ đặc điểm của chương

trình phát triển năng lực, không lấy việc trang bị kiến thức làm mục tiêu giáo dục.

Nguyên tắc 3. Chương trình môn Tiếng Anh được thiết kế trên cơ sở hệ thống chủ điểm, chủ đề có liên quan chặt chẽ với nhau, có ý nghĩa và phù hợp với môi trường học tập, sinh hoạt của học sinh, phù hợp với việc phát triển năng lực giao tiếp theo yêu cầu cần đạt quy định cho mỗi cấp học. Hệ thống chủ điểm, chủ đề phản ánh văn hoá cần mang tính dân tộc và quốc tế; nội dung dạy học cần được lựa chọn và có thể lặp lại, mở rộng qua các năm học theo hướng đồng tâm xoắn ốc nhằm củng cố và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Thông qua việc triển khai hệ thống chủ điểm và chủ đề trong Chương trình, học sinh có thể được trang bị thêm nội dung của các môn học khác ở mức độ phù hợp và khả thi. Việc thiết kế chương trình dạy học dựa trên hệ thống chủ điểm, chủ đề bên cạnh mạch kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và năng lực giao tiếp chính là mô hình thiết kế chương trình đa thành phần. Đây cũng là một xu thế đáng chú ý trong phát triển chương trình ngoại ngữ ở nhiều quốc gia trên thế giới hiện nay.

Nguyên tắc 4. Chương trình môn Tiếng Anh đảm bảo lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm trong quá trình dạy học. Năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh của học sinh được phát triển thông qua hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo. Giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn quá trình dạy học, khuyến khích học sinh tham gia hoạt động luyện tập ngôn ngữ ở mức tối đa và từng bước nâng cao khả năng tự học.

Nguyên tắc 5. Chương trình môn Tiếng Anh đảm bảo tính liên thông và tiếp nối của việc dạy học Tiếng Anh giữa các cấp tiểu học, THCS và THPT. Tính liên thông và tiếp nối được thể hiện ở chỗ sau mỗi cấp học, học sinh đạt một bậc trình độ theo *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. Đây là điểm mới nổi bật của Chương trình môn Tiếng Anh 2018 (học trong 10 năm, từ lớp 3 đến lớp 12) so với Chương trình môn Tiếng Anh trước đó (học trong 7 năm, từ lớp 6 đến lớp 12). Việc thực hiện dạy học tiếng Anh ở tiểu học đã và đang trở thành xu thế chung trong giáo dục ngoại ngữ trên thế giới. Việc dạy học tiếng Anh ở lứa tuổi tiểu học với phương pháp phù hợp sẽ phát huy những điểm mạnh của trẻ nhỏ khi học ngoại ngữ và tăng thời lượng thực hành giao tiếp

cho học sinh trong quá trình dạy học. Bên cạnh đó, việc vận dụng *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* vào dạy học và đánh giá môn tiếng Anh ở phổ thông cũng thể hiện xu thế chuẩn hóa trong dạy học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.

Nguyên tắc 6. Chương trình môn Tiếng Anh đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo và tính mở nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp với điều kiện dạy học Tiếng Anh đa dạng ở các địa phương. Nguyên tắc này xuất phát từ thực tiễn xã hội, kinh tế và truyền thống văn hoá Việt Nam, chú ý đến sự đa dạng của đối tượng HS xét về phương diện vùng miền, điều kiện và khả năng học tập.

Quan điểm xây dựng chương trình theo hướng mở thể hiện điểm đổi mới thực sự trong việc xây dựng Chương trình môn Tiếng Anh. Đây cũng là xu thế phát triển chương trình dạy học hiện nay trên thế giới. Chương trình xây dựng theo hướng mở thể hiện chủ yếu ở việc không quy định chi tiết về nội dung dạy học mà chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về nghe, nói, đọc, viết cho mỗi lớp/cấp học và đề xuất nội dung dạy học tương ứng. Căn cứ vào các yêu cầu bắt buộc về nghe, nói, đọc, viết, các tác giả biên soạn sách giáo khoa (SGK), các cơ sở giáo dục và giáo viên có thể chủ động, sáng tạo trong việc triển khai dạy học theo yêu cầu của chương trình. Giáo viên được lựa chọn SGK, sử dụng một hay kết hợp nhiều bộ sách, tham khảo nhiều nguồn tư liệu khác nhau để dạy học trên cơ sở bám sát mục tiêu và đáp ứng yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình. Việc chương trình được xây dựng theo hướng mở sẽ giúp các tác giả SGK được linh hoạt, sáng tạo hơn khi biên soạn sách và giúp nhà trường và giáo viên (GV) tự chủ hơn trong việc dạy học.

3. Mục tiêu chương trình

3.1. Căn cứ xác định mục tiêu

3.1.1. Chương trình Làm quen Tiếng Anh lớp 1 - 2

Chương trình Làm quen tiếng Anh lớp 1-2 được xác định dựa trên những căn cứ sau:

- Căn cứ pháp lý bao gồm các văn bản của nhà nước; như Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội Việt Nam về đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; Chỉ thị số 14/2001/CT-TTg ngày 11/6/2001 về đổi mới chương trình giáo

dục phổ thông, trong đó yêu cầu xây dựng đề án “Giảng dạy, học tập ngoại ngữ trong trường phổ thông”.

Ngoài ra, Chương trình cũng tham khảo các văn bản do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bao gồm. Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 về việc ban hành chương trình thí điểm tiếng Anh tiểu học; Công văn số 6003/BGDĐT-GDTH ngày 21/9/2010 về hướng dẫn triển khai dạy thí điểm Chương trình Tiếng Anh Tiểu học; Quyết định số 01/QĐ-BGDĐT ngày 03/01/2012 về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh thí điểm cấp Trung học cơ sở; Quyết định số 3702/QĐ- BGDĐT ngày 10/9/2013 về việc triển khai Chương trình GDPT môn tiếng Anh thí điểm cấp Trung học phổ thông.

- Chương trình được xây dựng dựa trên việc tìm hiểu nhu cầu học ngoại ngữ của nhóm học sinh lớp 1-2 bao gồm: chương trình tiếng Anh của những nước có hoàn cảnh tương tự như của Việt Nam (Thái Lan, Malaysia), tài liệu và chương trình của các nhà xuất bản trên thế giới, đánh giá của giáo viên và học sinh đã thực hiện chương trình làm quen tiếng Anh đối với nhóm học sinh lớp 1-2.

3.1.2. Chương trình môn Tiếng Anh lớp 3-5

Mục tiêu của Chương trình môn Tiếng Anh được xây dựng dựa trên các căn cứ cơ bản như sau:

- Dựa trên yêu cầu của đất nước về giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ trong mỗi giai đoạn vì giáo dục phổ thông phải hướng tới việc đào tạo ra các thế hệ người lao động đáp ứng được yêu cầu của đất nước; đào tạo các công dân mang đậm bản sắc dân tộc và hội nhập được với khu vực và thế giới. Yêu cầu của đất nước về giáo dục thế hệ trẻ được thể hiện trong các văn kiện chính trị, những nghị quyết về chủ trương, đường lối phát triển đất nước của Đảng, Chính phủ, Quốc hội như Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông v.v.

- Dựa vào đặc trưng của môn Tiếng Anh để xác định mục tiêu của chương trình. Mỗi môn học có đặc trưng và thế mạnh riêng trong việc góp phần thực

hiện mục tiêu giáo dục nói chung. Vì thế, phải căn cứ vào đặc trưng của môn học cụ thể để xác định mục tiêu cho phù hợp. Theo cách tiếp cận này, môn Tiếng Anh là môn học công cụ và có ưu thế nổi trội trong việc phát triển năng lực giao tiếp, đồng thời, có vai trò quan trọng trong việc giáo dục phẩm chất, tinh thần, đạo đức và nhân cách người học.

- Ngoài ra, có thể dựa vào mục tiêu môn học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng của một số nước có nền giáo dục tiên tiến. Có thể thấy mục tiêu môn học này của mỗi nước có cách diễn đạt riêng, nhưng nội dung cốt lõi của mục tiêu đều khá thống nhất trên hai phương diện: phát triển năng lực đặc thù của môn học là năng lực giao tiếp ngôn ngữ bên cạnh các năng lực chung khác và góp phần khơi gợi hứng thú học tập, bồi dưỡng phẩm chất, giáo dục nhân cách người học.

3.2. Mục tiêu chung

3.2.1. Chương trình môn Tiếng Anh lớp 1-2

Chương trình Làm quen Tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 nhằm giúp học sinh bước đầu có nhận thức đơn giản nhất về tiếng Anh, làm quen, khám phá và trải nghiệm để hình thành kỹ năng tiếng Anh theo các ngữ cảnh phù hợp với năng lực tư duy, cảm xúc và tâm sinh lý của lứa tuổi, giúp HS tự tin khi bước vào học tiếng Anh lớp 3 và hình thành cho HS niềm yêu thích đối với môn học

3.2.2. Chương trình môn Tiếng Anh lớp 3-5

Mục tiêu chung của Chương trình môn Tiếng Anh là:

- Cung cấp cho HS một công cụ giao tiếp mới là tiếng Anh thông qua rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết. Kết thúc phổ thông, HS phải đạt được bậc 3 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam, từ đó giúp HS có nền tảng sử dụng tiếng Anh trong học tập, hình thành thói quen học tập suốt đời để trở thành những công dân toàn cầu trong thời kỳ hội nhập.

- Bên cạnh đó, Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh giúp học sinh có hiểu biết khái quát về đất nước, con người và nền văn hoá của một số quốc gia nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; có thái độ và tình cảm

tốt đẹp đối với đất nước, con người, nền văn hoá và ngôn ngữ của các quốc gia đó.

- Ngoài ra, Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh còn góp phần hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất và năng lực cần thiết đối với người lao động như ý thức và trách nhiệm lao động, định hướng và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, khả năng thích ứng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp mới.

3.3. Mục tiêu cụ thể ở cấp Tiểu học

3.3.1. Chương trình môn Tiếng Anh lớp 1-2

Sau khi hoàn thành Chương trình này, học sinh có thể:

- a) Nghe và nhận biết được tên các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Anh.
- b) Nghe và nhận biết một số âm cơ bản trong bảng chữ cái tiếng Anh.
- c) Nghe hiểu các số đếm trong phạm vi 20.
- d) Nghe hiểu được các từ và cụm từ gần gũi với hoạt động của học sinh trong ngữ cảnh.
- đ) Nghe hiểu và hỏi đáp phi ngôn ngữ trong tình huống giao tiếp đơn giản, gần gũi với đời sống của học sinh lớp 1 và lớp 2.
- e) Nghe hiểu và thực hiện theo các hướng dẫn đơn giản trong lớp học bằng tiếng Anh.
- g) Nghe hiểu và có phản hồi bằng tiếng Anh một cách đơn giản trong các tình huống hỏi đáp rất đơn giản, quen thuộc với người học.
- h) Trả lời các câu hỏi đơn giản quen thuộc gắn liền với trải nghiệm của học sinh, có thể ở cấp độ từ hoặc câu đơn giản.
- i) Bước đầu đưa ra một số chỉ dẫn quen thuộc khi tham gia vào các hoạt động đơn giản trên lớp.
- k) Nhận biết và đọc thành lời các từ và một số cụm từ quen thuộc, đơn giản và cụ thể.
- l) Viết được một số từ rất đơn giản trong chủ đề quen thuộc.
- m) Bước đầu hình thành sự yêu thích đối với môn học.

3.3.2. Chương trình môn Tiếng Anh lớp 3-5

Sau khi hoàn thành Chương trình môn Tiếng Anh cấp TH, học sinh có thể:

- Giao tiếp đơn giản bằng tiếng Anh thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, trong đó nhấn mạnh hai kỹ năng nghe và nói.
- Có kiến thức cơ bản và tối thiểu về tiếng Anh bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Anh có những hiểu biết ban đầu về đất nước, con người và nền văn hoá của các quốc gia nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới.
- Có thái độ tích cực đối với việc học tiếng Anh; biết tự hào, yêu quý và trân trọng nền văn hoá và ngôn ngữ của dân tộc mình.
- Hình thành cách học tiếng Anh hiệu quả, tạo cơ sở cho việc học các ngoại ngữ khác trong tương lai.

4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

4.1. Căn cứ xác định yêu cầu cần đạt

4.1.1. Chương trình Làm quen Tiếng Anh lớp 1 - 2

Yêu cầu cần đạt trong Chương trình Làm quen Tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 thực chất là sự cụ thể hóa của mục tiêu về phẩm chất và năng lực đặc thù của môn học là năng lực giao tiếp tiếng Anh được xây dựng dựa trên một số cơ sở sau đây:

- Dựa vào nội dung của mục tiêu giáo dục phổ thông nêu trong CT GDPT 2018 tổng thể và mục tiêu môn học, gồm mục tiêu chung và mục tiêu các cấp. Ví dụ, cần dựa vào những phẩm chất mà mục tiêu giáo dục phổ thông đã nêu là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm, xem xét các biểu hiện cụ thể của những phẩm chất này ở mỗi cấp học được nêu trong bảng phụ lục của văn bản CT GDPT 2018 tổng thể, từ đó lựa chọn một số biểu hiện cụ thể phù hợp với đặc trưng và ưu thế của môn Tiếng Anh để xác định mức độ và phạm vi các yêu cầu cần đạt chung về phẩm chất cho môn học này.
- Chương trình môn Tiếng Anh cấp Tiểu học (lớp 3-5) trong CT GDPT 2018.
- Miêu tả bậc năng lực trong Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho

Việt Nam.

- Kết quả tìm hiểu nhu cầu đào tạo thực tế từ chương trình và tài liệu sẵn có, hoạt động thực nghiệm với giáo viên tiếng Anh tiểu học của các địa phương trên toàn quốc.

4.1.2. Chương trình môn Tiếng Anh lớp 3-5

Một trong những điểm mới của việc xây dựng chương trình các môn học của CTGDPT 2018 là thiết kế theo sơ đồ ngược; cụ thể là bắt đầu từ xây dựng mục tiêu để xác định các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực (kết quả học tập đầu). Sau đó, từ kết quả đầu ra này mà lựa chọn, đề xuất các nội dung dạy học.

Yêu cầu cần đạt trong Chương trình môn Tiếng Anh thực chất là sự cụ thể hóa của mục tiêu về phẩm chất và năng lực đặc thù của môn học là năng lực giao tiếp tiếng Anh. Yêu cầu cần đạt đối với HS học Chương trình môn Tiếng Anh được xây dựng dựa trên một số cơ sở sau đây:

(i) Dựa vào nội dung của mục tiêu giáo dục phổ thông nêu trong CT GDPT 2018 tổng thể và mục tiêu môn học, gồm mục tiêu chung và mục tiêu các cấp. Ví dụ, cần dựa vào những phẩm chất mà mục tiêu giáo dục phổ thông đã nêu là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm, xem xét các biểu hiện cụ thể của những phẩm chất này ở mỗi cấp học được nêu trong bảng phụ lục của văn bản CT GDPT 2018 tổng thể, từ đó lựa chọn một số biểu hiện cụ thể phù hợp với đặc trưng và ưu thế của môn Tiếng Anh để xác định mức độ và phạm vi các yêu cầu cần đạt chung về phẩm chất cho môn học này. Chính vì thế, các yêu cầu cần đạt về phẩm chất được nêu trong Chương trình môn Tiếng Anh là những biểu hiện cụ thể của các phẩm chất nêu trong CT GDPT 2018 tổng thể. Tương tự như vậy, yêu cầu cần đạt về năng lực trong Chương trình môn Tiếng Anh xuất phát từ các năng lực chung nêu trong CT GDPT 2018 tổng thể, sau đó xác định các năng lực phù hợp với đặc trưng và ưu thế của môn học.

Ngoài căn cứ vào mục tiêu của CT GDPT 2018, việc xác định các yêu cầu cần đạt còn dựa vào định hướng phát triển các lĩnh vực/môn học được nêu trong văn bản CT GDPT 2018 tổng thể. Với môn Tiếng Anh, cần chú ý một số nội dung sau:

- Môn Tiếng Anh thuộc nội dung giáo dục ngôn ngữ và văn học và có vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng tình cảm, tư tưởng cho thế hệ trẻ. Thông qua những chủ điểm, chủ đề phù hợp với lứa tuổi, thiết thực, cập nhật, có ý nghĩa, Chương trình môn Tiếng Anh góp phần bồi dưỡng cho học sinh những phẩm chất chủ yếu, đặc biệt là tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, tính trung thực và ý thức trách nhiệm; hình thành, phát triển cho HS các năng lực chung và năng lực chuyên môn như năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mỹ, năng lực tìm hiểu xã hội.

- Ngoài nhiệm vụ hình thành, phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh, môn Tiếng Anh còn giúp học sinh sử dụng hiệu quả những phương tiện giao tiếp khác như hình ảnh, biểu tượng, kí hiệu, sơ đồ, đồ thị, bảng biểu, ...

- Xét ở tiêu chí đào tạo công dân đất nước và công dân toàn cầu, môn TA thuộc nội dung Giáo dục ngôn ngữ và văn học chú trọng đến những phẩm chất mang tính nhân loại và những năng lực quan trọng để học sinh có thể thích nghi với những áp lực văn hóa của thời đại công nghệ 4.0.

(ii) Kế thừa và phát triển các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng của Chương trình môn Tiếng Anh trước 2018 (hệ 7 năm, từ lớp 6 đến lớp 12) được nêu trong mục Chuẩn kiến thức, kĩ năng (bao gồm những yêu cầu chung đối với các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết và những yêu cầu cụ thể về chủ điểm, chủ đề, mục tiêu đạt được, tiêu điểm ngôn ngữ đối với từng lớp).

(iii) Đối chiếu với yêu cầu về các bậc năng lực trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và tham khảo chuẩn học tập đầu ra trong Chương trình môn Tiếng Anh của một số nước có nền giáo dục ngoại ngữ phát triển như Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Singapore, Đức, LB Nga, Canada v.v.) và một số tổ chức/khung đánh giá quốc tế như PISA, CEFR v.v.

Với chương trình xây dựng theo định hướng phát triển năng lực thì chuẩn học tập đầu ra (yêu cầu cần đạt) là hết sức quan trọng, vì thế một khi đã chuyển đổi sang loại chương trình này cần tham khảo chuẩn học tập đầu ra của một số nước và các tổ chức đánh giá quốc tế như đã nêu để có thể điều chỉnh các yêu cầu cần đạt của môn học nhằm cập nhật, đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế.

Với các căn cứ nêu trên, Chương trình môn Tiếng Anh mới đã xác định hệ thống yêu cầu cần đạt nêu trong văn bản chương trình ở hai cấp độ: Yêu cầu

cần đạt khái quát cho cả môn học ở trường phổ thông và yêu cầu cụ thể gắn với từng cấp học trong tương quan với nội dung dạy học.

4.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và đóng góp của môn Tiếng Anh trong việc bồi dưỡng phẩm chất cho học sinh

Căn cứ vào các phẩm chất mà CT GDPT 2018 đã nêu, các môn học ở nhà trường phổ thông đều phải góp phần giúp học sinh hình thành và bồi dưỡng các phẩm chất đó theo đặc trưng của từng môn học. Môn Tiếng Anh là một trong những môn học trực tiếp hình thành và phát triển cả năm phẩm chất xuyên suốt tất cả các cấp học. Với các *phẩm chất chủ yếu* thống nhất cho tất cả các môn học, Chương trình môn Tiếng Anh chỉ nêu yêu cầu chung cho cả môn học dưới góc độ khái quát và gắn với đặc trưng môn học, các yêu cầu cụ thể về các phẩm chất chủ yếu cho từng cấp đã được nêu trong CT GDPT 2018 tổng thể.

Trong mỗi môn học và hoạt động giáo dục, các phẩm chất chủ yếu này có những biểu hiện cụ thể khác nhau và được hình thành, phát triển theo những cách khác nhau. Xuất phát từ đặc thù môn học, Chương trình môn Tiếng Anh cấp TH lưu ý đến những yêu cầu cần đạt về các phẩm chất chủ yếu đối với học sinh như sau:

- Ở cấp TH: thông qua môn Tiếng Anh, học sinh có thái độ tích cực đối với môn học và việc học tiếng Anh; đồng thời có hiểu biết và tự hào về những giá trị của nền văn hoá dân tộc mình; phát triển các phẩm chất như nhân ái, yêu thương gia đình, tự hào về quê hương, bảo vệ môi trường, có ý thức tự rèn luyện học tập, có trách nhiệm với bản thân và gia đình.

4.3. Yêu cầu cần đạt về năng lực chung và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển các năng lực chung cho học sinh

Các môn học của GDPT đều phải góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung tùy theo đặc trưng của mỗi môn học. Môn Tiếng Anh là một trong những môn học có nhiều ưu thế trong việc góp phần hình thành và phát triển toàn diện các năng lực chung đã được nêu trong CTGDPT 2018 tổng thể. Những năng lực chung này được hình thành và phát triển không chỉ thông qua nội dung dạy học mà còn thông qua đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học trong hoạt động thực hành giao tiếp nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh.

Cũng như với các phẩm chất chủ yếu, theo quy định trình bày văn bản thống nhất của tất cả các môn học, Chương trình môn Tiếng Anh chỉ nêu yêu cầu chung cho cả môn học dưới góc độ khái quát và gắn với đặc trưng môn học, các yêu cầu cụ thể cho từng cấp đã được nêu trong CT GDPT 2018 tổng thể. Chương trình môn Tiếng Anh giúp học sinh hình thành và phát triển những năng lực cần thiết cho công dân của thế kỷ XXI như: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, v.v. Có thể nêu ví dụ một số cách thức HS hình thành các năng lực đó như sau:

(i) Năng lực tự chủ và tự học

Có phương pháp học tập tốt sẽ giúp học sinh phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh một cách hiệu quả. Thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, học sinh hình thành một số phương pháp học tập cơ bản như: cách xác định mục tiêu và kế hoạch học tập, cách luyện tập các kỹ năng giao tiếp và học kiến thức ngôn ngữ, cách sử dụng tài liệu học tập và học liệu điện tử, cách thức tham gia tích cực và chủ động vào các hoạt động học tập tương tác, tự đánh giá và điều chỉnh hoạt động, kế hoạch học tập của bản thân.

Học sinh lựa chọn các phương pháp học tập phù hợp với năng lực, đặc điểm và điều kiện học tập của cá nhân. Các phương pháp học tập phù hợp giúp học sinh học tập tích cực và có hiệu quả, trở thành những người học có khả năng tự học một cách độc lập trong tương lai.

(ii) Năng lực giao tiếp và hợp tác

Tiếng Anh là môn học đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành, phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh cho học sinh. Thông qua môn Tiếng Anh, học sinh có thể:

- Xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp để thảo luận, lập luận, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống bằng tiếng Anh;
- Phát triển năng lực cảm xúc, nhờ đó nhận biết, thấu hiểu và đồng cảm với suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác;
- Sống hoà hợp và hoá giải các mâu thuẫn;
- Thiết lập và phát triển phù hợp mối quan hệ với người khác, làm tăng hiệu quả hợp tác thông qua các hoạt động như làm việc cặp, theo nhóm, cả lớp.

(iii) Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

Năng lực giải quyết vấn đề trong môn Tiếng Anh được thể hiện ở khả năng đánh giá nội dung của văn bản, biết làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng, độ tin cậy của những thông tin và ý tưởng mới; biết sử dụng tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

Môn Tiếng Anh đề cao vai trò của học sinh với tư cách là người đọc tích cực, chủ động. Qua những hình thức rèn luyện từ thấp đến cao, HS có được khả năng đề xuất ý tưởng, tạo ra sản phẩm mới trong học tập và cuộc sống; suy nghĩ không theo lối mòn, nhờ đó đề xuất được các giải pháp phù hợp với bối cảnh.

4.4. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù và đóng góp của môn học trong việc hình thành, phát triển năng lực đặc thù cho học sinh

Năng lực đặc thù là năng lực được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và hoạt động giáo dục nhất định. CT GDPT 2018 tổng thể xác định có các năng lực chuyên môn sau: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

Khác với yêu cầu phát triển phẩm chất và năng lực chung, việc hình thành và phát triển năng lực chuyên môn phải dựa vào ưu thế nổi trội của mỗi môn học, có nghĩa là mỗi môn học lựa chọn một/một số năng lực nào đó mà môn học này có điều kiện và ưu thế phát triển tốt nhất. Theo đó, môn Tiếng Anh có thể hình thành và phát triển năng lực giao tiếp.

Năng lực giao tiếp chủ yếu thể hiện ở việc sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp liên quan đến cuộc sống và học tập của học sinh, thể hiện qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong phạm vi các chủ điểm, chủ đề quen thuộc, hấp dẫn, sinh động, thiết thực. Năng lực này được hình thành dần dần qua từng lớp và các cấp học. Ở tiểu học, học sinh chủ yếu học, sử dụng ngôn ngữ một cách tự nhiên, theo quán tính sau đó mới tiến đến sử dụng một cách có ý thức ở các cấp học trên. Chương trình môn Tiếng Anh không chú trọng dạy sâu vào các nội dung mang tính hàn lâm nhằm nghiên cứu ngôn ngữ, mà chỉ cung cấp một số kiến thức ngôn ngữ cơ bản, nền tảng để người học có thể sử dụng trong việc thực hành giao tiếp trong các tình huống và ngữ cảnh phù hợp. Ngoài ra, Chương trình môn Tiếng Anh còn chú trọng đến việc trang bị những

kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh cần thiết để người học có thể học sâu hơn về ngôn ngữ này ở bậc học cao hơn.

Trong Chương trình môn Tiếng Anh ở nhà trường phổ thông, năng lực giao tiếp tiếng Anh là khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) để tham gia vào các hoạt động giao tiếp trong những tình huống hay ngữ cảnh có nghĩa với các đối tượng giao tiếp khác nhau nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp của bản thân hay yêu cầu giao tiếp của xã hội. Năng lực giao tiếp được thể hiện thông qua các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp dưới dạng nghe, nói, đọc, viết. Các năng lực giao tiếp được lựa chọn theo hướng mở, có liên hệ chặt chẽ với các chủ điểm, chủ đề phù hợp ở mỗi cấp học. Chương trình môn Tiếng Anh đề xuất một danh mục gợi ý các năng lực giao tiếp cho các cấp học, tác giả biên soạn SGK và giáo viên có thể dựa vào danh mục này để lựa chọn ngữ liệu dạy học phù hợp.

Yêu cầu cụ thể về năng lực giao tiếp tiếng Anh ở cấp TH được thể hiện như sau:

Đối với học sinh lớp 1: Sau khi học xong lớp 1, học sinh có thể:

a) Bước đầu nhắc lại được các cụm từ, câu đơn giản, bài vè, bài hát phù hợp với năng lực tư duy, cảm xúc và tâm sinh lí lứa tuổi lớp 1.

b) Nhận biết được các số từ 1 đến 10 và dùng các số đếm này để đếm hoặc trả lời một số câu hỏi về số lượng đơn giản.

c) Nhận biết và gọi tên được các từ vựng cụ thể, đơn giản theo chủ đề đã học trong ngữ cảnh giao tiếp.

d) Phản hồi được bằng tiếng Anh một cách đơn giản trong các tình huống hỏi đáp rất đơn giản, gắn liền với trải nghiệm của học sinh lớp 1.

đ) Nghe hiểu được và biết cách hỏi đáp phi ngôn ngữ trong các hội thoại rất đơn giản và ngắn gọn, câu lệnh đơn giản trong lớp học.

e) Biết cách chào hỏi, tạm biệt rất đơn giản.

Đối với học sinh lớp 2: Sau khi học xong lớp 2, học sinh có thể:

a) Nhắc lại được các cụm từ, câu đơn giản, bài vè, bài hát phù hợp với năng lực tư duy, cảm xúc và tâm sinh lí lứa tuổi lớp 2.

b) Nhận biết được và gọi tên các danh từ cụ thể, các động từ theo chủ đề đã học trong ngữ cảnh giao tiếp cụ thể.

c) Nhận biết được các số từ 1 - 20 và có thể dùng các số đếm này để đếm hoặc trả lời một số câu hỏi về số lượng đơn giản.

d) Nghe hiểu và phản hồi được bằng tiếng Anh một cách đơn giản trong các tình huống hỏi đáp rất đơn giản và quen thuộc.

đ) Làm theo và thực hiện được các câu lệnh rất đơn giản trong lớp học, mở rộng hơn về số lượng và độ dài câu lệnh.

e) Đưa ra được một số câu lệnh quen thuộc khi tham gia một số hoạt động tập thể trong giờ học, có mở rộng về số lượng và cấu trúc so với lớp 1.

g) Trả lời được câu hỏi đơn giản và hỏi đáp được bằng một hoặc hai từ trong ngữ cảnh cụ thể và quen thuộc.

Sau khi học xong cấp TH, học sinh *“Có thể hiểu, sử dụng các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể. Có thể tự giới thiệu bản thân và người khác; có thể trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/bạn bè v.v... Có thể giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng và sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.”*

Cụ thể là:

Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết được trọng âm từ. - Nghe hiểu và làm theo được những chỉ dẫn đơn giản. - Nghe và trả lời được các câu hỏi đơn giản về các chủ đề trong chương trình. - Nghe hiểu được các đoạn hội thoại, độc thoại ngắn, cấu trúc đơn giản khoảng 45 - 60 từ về các chủ đề trong chương trình. - Nghe hiểu được nội dung chính các câu chuyện ngắn rất đơn giản về các chủ đề quen thuộc (có sự trợ giúp).
Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được các câu chỉ dẫn và đề nghị; khởi đầu và trả lời những câu lệnh đơn giản trong và ngoài lớp học. - Hỏi và trả lời được những câu hỏi đơn giản về những chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, trường học, v.v. hoặc liên quan đến nhu cầu giao tiếp tối thiểu hằng ngày. - Nói được về một số chủ đề trong chương trình (có sự trợ giúp). - Trả lời được các câu hỏi trực tiếp trong những phỏng vấn đơn giản với tốc độ nói chậm và rõ ràng về những chủ đề quen thuộc.

Đọc	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc được những đoạn văn bản ngắn, đơn giản đã được chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc như bạn bè, gia đình, nhà trường, ... - Đọc hiểu được các đoạn văn bản ngắn, đơn giản khoảng 60 - 80 từ về các chủ đề quen thuộc. - Đọc hiểu được các thông điệp ngắn, đơn giản trên bưu thiếp; các chỉ dẫn ngắn, đơn giản.
Viết	<ul style="list-style-type: none"> - Viết được các cụm từ, câu đơn giản về các chủ đề quen thuộc như bản thân, gia đình, trường học, bạn bè, ... - Viết được các đoạn văn bản ngắn, đơn giản khoảng 30 - 40 từ (có gợi ý) về các chủ đề quen thuộc. - Viết hoặc điền được thông tin vào biểu bảng đơn giản, tin nhắn, ...

Học viên có thể tìm hiểu thêm về yêu cầu đối với Bậc 1 trong *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* trong tài liệu đọc thêm. Về cơ bản, Bậc 1 trong *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam* có thể coi tương đương với cấp độ A1 trong Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ. Cấp độ A1 là cấp độ yêu cầu về năng lực ngoại ngữ đối với HS tốt nghiệp cấp TH của nhiều quốc gia trên thế giới.

5. Nội dung giáo dục

5.1. Căn cứ xác định nội dung

Nội dung dạy học môn Tiếng Anh được xác định dựa trên các căn cứ sau:

(i) Căn cứ vào mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực nêu trong CT GDPT 2018 tổng thể đã được cụ thể hóa vào mục tiêu của Chương trình môn Tiếng Anh. Mục tiêu Chương trình môn Tiếng Anh ở phổ thông được xác định là:

- Giúp học sinh có một công cụ giao tiếp mới, hình thành và phát triển cho học sinh năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Kết thúc chương trình giáo dục phổ thông, học sinh có khả năng giao tiếp đạt trình độ Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tạo nền tảng cho học sinh sử dụng tiếng Anh trong học tập, hình thành thói quen học tập suốt đời để trở thành những công dân toàn cầu trong thời kỳ hội nhập;

- Giúp học sinh có hiểu biết khái quát về đất nước, con người và nền văn hoá của một số quốc gia nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; có thái độ và tình cảm tốt đẹp đối với đất nước, con người, nền văn hoá và ngôn ngữ của các quốc gia đó;

- Góp phần hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất và năng lực cần thiết đối với người lao động: ý thức và trách nhiệm lao động, định hướng và lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích, khả năng thích ứng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp mới.

Các mục tiêu chung nêu trên được cụ thể hóa cho phù hợp với từng cấp TH, THCS, THPT và làm căn cứ cho việc xây dựng nội dung môn học tương ứng với mỗi cấp/lớp. Các mục tiêu chung sẽ chi phối việc lựa chọn nội dung dạy học cụ thể; nói cách khác, tất cả các nội dung dạy học phải hướng tới mục tiêu, phục vụ trực tiếp và có hiệu quả để đạt được mục tiêu. Những nội dung dù rất hấp dẫn nhưng không phục vụ cho yêu cầu phát triển năng lực giao tiếp thì cũng không lựa chọn làm nội dung dạy học. Cách tiếp cận này sẽ giúp giảm tải việc dạy học và tránh được xu hướng hàn lâm hóa nội dung dạy học.

(ii) Căn cứ vào thành tựu và kết quả nghiên cứu về chương trình môn học, nhất là tiếp thu những điểm mạnh của Chương trình môn Tiếng Anh (hệ 7 năm, từ lớp 6 đến lớp 12) của Việt Nam.

Phát triển chương trình môn học là một quá trình liên tục qua nhiều thời kì khác nhau. Không có chương trình nào được thiết kế, xây dựng mới hoàn toàn mà bao giờ cũng phải kết hợp hai phương diện: những yếu tố nền tảng, ổn định, truyền thống và những yếu tố cập nhật, đổi mới, phát triển.

Chương trình môn Tiếng Anh (hệ 7 năm, từ lớp 6 đến lớp 12) thực chất được biên soạn từ đầu những năm 2000 và nối kết cấp THCS và THPT thành Chương trình môn Tiếng Anh quốc gia thống nhất. Chương trình này đánh dấu một bước tiến lớn trong việc phát triển chương trình môn học với nhiều quan niệm mới mẻ và cập nhật được với trình độ quốc tế. Có thể nêu lên một số điểm quan trọng của chương trình này cho đến lần đổi mới Chương trình môn Tiếng Anh mới vẫn còn giá trị như sau:

- Dạy học tiếng Anh theo quan điểm giao tiếp, hướng tới khả năng sử dụng tiếng Anh thông qua nghe, nói, đọc, viết; hạn chế xu hướng nặng về kiến thức ngôn ngữ của quan điểm dạy học ngữ pháp-dịch.

- Thực hiện quan điểm xây dựng nội dung dạy học trên cơ sở kết hợp các mạch chủ điểm/chủ đề, kỹ năng giao tiếp, kiến thức ngôn ngữ; lấy các mạch này làm nội dung dạy học xuyên suốt các cấp lớp.

- Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng lấy hoạt động của người học làm trung tâm, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học.

- Bước đầu đổi mới kiểm tra, đánh giá: đánh giá kết quả học tập của học sinh được dựa trên đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì và bao gồm cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, kết hợp đánh giá bằng tự luận và trắc nghiệm khách quan.

Những thành tựu trên là cơ sở rất quan trọng mà Chương trình môn Tiếng Anh 2018 đã dựa vào để lựa chọn kế thừa và phát triển theo định hướng mới, định hướng phát triển phẩm chất và năng lực.

(iii) Vận dụng có chọn lọc xu thế quốc tế về phát triển CT GDPT 2018 nói chung và Chương trình môn Tiếng Anh nói riêng. Để thiết kế Chương trình môn Tiếng Anh 2018, ban biên soạn chương trình đã tham khảo chương trình môn học của một số nước trên thế giới và trong khu vực như như Phần Lan, Canada, LB Nga, Hungary, Pháp, Đức, Hàn quốc, Singapore, Trung Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Thái Lan, ... Từ việc nghiên cứu và phân tích chương trình của các nước, Ban biên soạn Chương trình môn Tiếng Anh đã liệt kê và tổng hợp một số xu thế phát triển chương trình môn học Ngoại ngữ/Tiếng Anh để vận dụng có chọn lọc, phù hợp với điều kiện và nhu cầu đặc thù của Việt Nam như sau:

- Xu thế xây dựng chương trình theo định hướng phát triển năng lực người học nhằm hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi, cần thiết để học tập và làm việc trong thế kỷ XXI. Về nội dung, chương trình xây dựng theo hướng phát triển năng lực là một căn cứ hết sức quan trọng để xác định nội dung dạy học môn Tiếng Anh. Theo đó, nội dung dạy học trong Chương trình môn Tiếng Anh không chú trọng nhiều và không dừng lại ở việc “dạy cái gì” cho người học mà đặc biệt chú trọng việc “phát triển năng lực gì”.

- Xu thế xây dựng chương trình dưới dạng mở, linh hoạt để đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của các đối tượng học sinh khác nhau cũng như cập nhật những thành tựu mới, hiện đại của khoa học cơ bản và khoa học giáo dục vào nội dung chương trình.

- Xu thế lấy hoạt động học là trung tâm của quá trình dạy học, giáo viên đóng vai trò là người tổ chức, hướng dẫn quá trình học tập của học sinh, học sinh là chủ thể tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo vào quá trình học.

- Xu thế dạy học ngoại ngữ được thực hiện ở giai đoạn sớm hơn đối với học sinh phổ thông; tiếng Anh đang trở thành một môn học bắt buộc trong giáo dục tiểu học của nhiều nước trên thế giới.

- Xu thế xây dựng chương trình dựa trên kết cấu đa thành phần như mạch chủ điểm/chủ đề, kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng ngôn ngữ, ...

- Xu thế dạy học và đánh giá môn Tiếng Anh nói riêng và môn Ngoại ngữ nói chung theo thang đánh giá quốc tế, dựa trên yêu cầu cần đạt về các kỹ năng giao tiếp như nghe, nói, đọc, viết qui định sau mỗi giai đoạn học tập. Các yêu cầu cần đạt được coi là linh hồn của chương trình và thường được qui định thống nhất, bắt buộc để tất cả học sinh phải đạt được. Còn nội dung dạy học cụ thể như hệ thống chủ điểm, chủ đề, kiến thức ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ... thường được qui định mở, tạo điều kiện cho các tác giả SGK và giáo viên nhiều quyền tự chủ hơn, phát huy sáng tạo trong biên soạn SGK và dạy học.

5.2. Định hướng xây dựng nội dung

Nội dung dạy học môn Tiếng Anh được xây dựng theo kết cấu đa thành phần (bao gồm chủ điểm/chủ đề phù hợp với hứng thú, sở thích, nhu cầu của học sinh, danh mục các chức năng và nhiệm vụ ngôn ngữ phù hợp với chủ điểm/chủ đề và các kiến thức ngôn ngữ cần thiết cho năng lực giao tiếp TA ở các bậc tương ứng qui định trong chương trình). Nội dung dạy học được phân cấp và phát triển tiếp nối xoay quanh các mạch đó để tạo thành chỉnh thể thống nhất qua các giai đoạn giáo dục.

Nội dung dạy học tiếng Anh ở các cấp học được xây dựng theo tinh thần “mở”, theo đó, Chương trình môn Tiếng Anh chỉ đề xuất (gợi ý, không bắt

buộc) danh mục các chủ điểm/chủ đề, năng lực giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ cho từng cấp học. Cụ thể là:

- Tên gọi của các chủ điểm có thể được thay đổi theo cấp học nhằm đáp ứng nhu cầu, mối quan tâm, hứng thú của học sinh cũng như yêu cầu hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực cần thiết cho người học.

- Các chủ đề được lựa chọn theo hướng mở, phù hợp với các giá trị văn hoá, xã hội của Việt Nam, đảm bảo tính hội nhập quốc tế và phù hợp với yêu cầu phát triển năng lực giao tiếp quy định cho mỗi cấp học.

- Người biên soạn tài liệu dạy học và giáo viên có thể điều chỉnh, bổ sung các chủ đề sao cho phù hợp với chủ điểm, đáp ứng nhu cầu, sở thích và khả năng học tập của học sinh để đạt được các mục tiêu đề ra trong chương trình.

- Các năng lực giao tiếp ở từng cấp học cũng được lựa chọn theo hướng mở, có liên hệ thích hợp với các chủ điểm, chủ đề và chỉ mang tính gợi ý, không bắt buộc.

- Trong phạm vi mỗi cấp học, việc lựa chọn và phân bố chủ điểm/chủ đề, năng lực giao tiếp, kiến thức ngôn ngữ cho các lớp được giao quyền chủ động cho tác giả SGK và giáo viên trên cơ sở tuân thủ qui định về yêu cầu cần đạt cuối mỗi cấp học. Quy định mở về ngữ liệu như vậy vừa giúp người soạn SGK thực hiện được ý định thiết kế bài học một cách sáng tạo, đáp ứng các yêu cầu cần đạt của chương trình; vừa giúp chương trình gắn bó hơn với cuộc sống, gần gũi với học sinh, tạo hứng thú học tập cho các em.

Ngoài ra, nội dung dạy học ở mỗi cấp học được lựa chọn trong sự thống nhất và mối quan hệ chặt chẽ với yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực tương ứng ở cấp học đó. Cụ thể, yêu cầu cần đạt về năng lực giao tiếp tiếng Anh tương ứng với Bậc 1, Bậc 2, Bậc 3 qui định trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam sau mỗi cấp học là định hướng quan trọng để lựa chọn và phân bố nội dung dạy học phù hợp cho từng cấp/lớp học.

5.3. Nội dung khái quát

Nội dung khái quát mô tả các mạch nội dung chính của chương trình, đó là: hệ thống chủ điểm/chủ đề, danh mục năng lực giao tiếp theo hệ thống chủ

điểm/chủ đề và kiến thức ngôn ngữ. Nội dung cụ thể mô tả chi tiết về nội dung dạy học các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở từng cấp lớp từ lớp 3 đến lớp 5.

Nội dung khái quát trình bày những mạch nội dung dạy học chủ yếu của chương trình. Nội dung dạy học trong CTTA được thiết kế theo kết cấu đa thành phần, bao gồm ba mạch nội dung chính là: (i) Hệ thống các chủ điểm (khái quát), các chủ đề (cụ thể), (ii) Các năng lực giao tiếp liên quan đến các chủ điểm, chủ đề, (iii) Kiến thức ngôn ngữ.

(i) Trong mạch Chủ điểm/chủ đề, Chương trình môn Tiếng Anh gợi ý bốn chủ điểm ở mỗi cấp học.

Ở cấp tiểu học, 4 chủ điểm đó là: Em và những người bạn của em, Em và trường học của em, Em và gia đình em, Em và thế giới quanh em.

Ở cấp THCS, đó là các chủ điểm: Cộng đồng của chúng ta, Di sản của chúng ta, Thế giới của chúng ta, Tầm nhìn tương lai.

Ở cấp THPT, đó là các chủ điểm: Cuộc sống của chúng ta, Xã hội của chúng ta, Môi trường của chúng ta, Tương lai của chúng ta.

Trên cơ sở các chủ điểm này, Chương trình môn Tiếng Anh đề xuất một danh mục gợi ý các chủ đề. Các chủ đề này chỉ mang tính gợi ý, không bắt buộc. Người biên soạn SGK và giáo viên có thể lựa chọn những chủ đề thích hợp để dạy học. Ngoài ra, Chương trình môn Tiếng Anh quy định nội dung văn hoá được dạy học lồng ghép, tích hợp trong hệ thống các chủ điểm, chủ đề.

Ví dụ:

Chủ điểm	Chủ đề
Em và những người bạn của em	<ul style="list-style-type: none"> - Bản thân - Những người bạn của em - Những việc có thể làm - Hoạt động hằng ngày - Hoạt động tương lai - Thói quen, sở thích ...
Em và trường học của em	<ul style="list-style-type: none"> - Trường học của em

	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp học của em - Đồ dùng, phương tiện học tập - Thời khoá biểu và các môn học ở trường - Hoạt động học tập ở trường - Hoạt động ngoại khoá ở trường ...
--	--

(ii) Mạch nội dung thứ hai của nội dung khái quát là năng lực giao tiếp. Trong giáo học pháp Tiếng Anh, có nhiều định nghĩa về năng lực giao tiếp. Học viên có thể tham khảo thêm quan niệm về năng lực giao tiếp ngôn ngữ trong Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ (CEFR) trong Tài liệu đọc số 4. Trong Chương trình môn Tiếng Anh, năng lực giao tiếp được hiểu là khả năng sử dụng kiến thức ngôn ngữ để tham gia vào các hoạt động giao tiếp trong những tình huống hay ngữ cảnh có nghĩa với các đối tượng giao tiếp khác nhau nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp của bản thân hay yêu cầu giao tiếp của xã hội. Ở các cấp lớp, năng lực giao tiếp được thể hiện thông qua các chức năng và nhiệm vụ giao tiếp dưới dạng nghe, nói, đọc, viết. Chương trình môn Tiếng Anh cũng đề xuất danh mục các năng lực giao tiếp cho mỗi cấp học tương ứng với các chủ điểm/chủ đề.

Ví dụ:

Chủ điểm	Năng lực giao tiếp
Em và những người bạn của em	<ul style="list-style-type: none"> - Chào hỏi và tạm biệt - Cảm ơn - Xin lỗi - Đánh vắn - Giới thiệu (về mình, về người khác) - Hỏi và xác định các bộ phận cơ thể - Hỏi và trả lời về ngày tháng ...
Em và trường học của em	<ul style="list-style-type: none"> - Hỏi và trả lời về trường học (địa điểm, tên trường, đồ dùng học tập, môn học, ...) - Mô tả đơn giản về vị trí, số lượng, tính chất, đặc điểm của sự vật và người

	<ul style="list-style-type: none"> - Hỏi và định danh các vật cụ thể, đơn giản - Hỏi và trả lời về các hoạt động học tập và giải trí ở trường - Hỏi và trả lời về một người/vật/sự kiện yêu thích ...
--	---

(iii) Mạch nội dung thứ ba của Chương trình môn Tiếng Anh là kiến thức ngôn ngữ, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Ở mỗi cấp học, Chương trình môn Tiếng Anh đề xuất danh mục kiến thức ngôn ngữ về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp phù hợp để HS phát triển năng lực giao tiếp tương ứng với yêu cầu của Chương trình môn Tiếng Anh. Cụ thể là Bậc 1, Bậc 2 và Bậc 3 trong Khung NLNN 6 bậc dùng cho VN tương ứng với các cấp TH, THCS, THPT. Học viên có thể tìm hiểu về nội dung này của cấp THCS trong Tài liệu đọc thêm (CT GDPT môn Tiếng Anh lớp 3-12).

Dưới đây là ví dụ về nội dung kiến thức trong Nội dung giáo dục của Chương trình môn Tiếng Anh cấp TH:

Lớp 1:

Ngữ âm:

- 13 chữ cái
- Một số âm đơn giản ở vị trí bắt đầu của từ.

Từ vựng

- Số đếm 1 - 10
- Khoảng 35 - 70 từ vựng trong các chủ đề quen thuộc, ưu tiên danh từ và động từ.

Lớp 2:

Ngữ âm:

- 13 chữ cái
- Một số âm đơn giản ở vị trí bắt đầu và kết thúc của từ.

Từ vựng:

- Số đếm từ 1 - 20
- Thêm khoảng 35-70 từ vựng; ưu tiên danh từ, động từ và tính từ.

Lớp 3-5:

Ngữ âm	Nội dung dạy học ngữ âm ở cấp tiểu học được thể hiện trong hai lĩnh
---------------	---

	<p>vực: ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.</p> <p>- Ngôn ngữ nói: các nguyên âm, phụ âm và một số tổ hợp phụ âm; trọng âm từ, trọng âm câu và ngữ điệu cơ bản.</p> <p>- Ngôn ngữ viết: mối quan hệ tương ứng giữa âm thanh và chữ viết để đánh vần, đọc và viết đúng những từ, ngữ đã học.</p>
Từ vựng	<p>Nội dung dạy học từ vựng ở cấp tiểu học là những từ thông dụng, đơn giản, cụ thể ở Bậc 1 trong tiếng Anh phục vụ cho các tình huống giao tiếp trong phạm vi hệ thống chủ điểm và chủ đề của Chương trình. Số lượng từ vựng được quy định ở cấp tiểu học khoảng 600 - 700 từ.</p>
Ngữ pháp	<p>Nội dung dạy học ngữ pháp ở cấp tiểu học bao gồm các cấu trúc phục vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 1 như câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu khẳng định, câu phủ định, câu đơn, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì tương lai đơn, động từ tình thái, danh từ số ít, danh từ số nhiều, đại từ nhân xưng, đại từ chỉ định, đại từ nghi vấn, tính từ sở hữu, đại từ sở hữu, trạng từ, số đếm, số thứ tự, giới từ thông dụng, liên từ thông dụng, mạo từ...</p>

5.4. Nội dung cụ thể

Tiếp theo nội dung khái quát, phần Nội dung cụ thể mô tả nội dung dạy học các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở các lớp từ lớp 3 đến lớp 5. CT không quy định bắt buộc về các chủ điểm, chủ đề, kiến thức ngôn ngữ tương ứng với từng chủ điểm, chủ đề, ... mà chỉ liệt kê, gợi ý các nội dung này. Người biên soạn SGK, giáo viên, ... có thể lựa chọn ngữ liệu phù hợp sao cho đạt được mục tiêu của việc dạy học quy định trong CT. Nội dung dạy học cụ thể được xây dựng cho từng lớp và theo một cấu trúc thống nhất, có mở rộng và tăng dần độ khó từ lớp 3 đến lớp 12. Nội dung các hoạt động dạy học nghe, nói, đọc, viết được xác định dựa trên các yêu cầu cần đạt cuối mỗi cấp học được quy định trong chương trình.

Trong Chương trình môn Tiếng Anh, nội dung dạy học cụ thể được trình bày thành bốn cột, lần lượt là: chủ điểm, chủ đề, kỹ năng ngôn ngữ, kiến thức ngôn ngữ, cụ thể như sau:

Ví dụ: Lớp 3

Chủ điểm	Chủ đề	Kỹ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
Em và những người bạn của em ...	- Bản thân - Sở thích - Bạn bè ...	- Nghe: ... - Nói: ... - Đọc: ... - Viết: ...	- Ngữ âm: ... - Từ vựng: ... - Ngữ pháp: ...

Trên đây là ví dụ minh họa về cách trình bày nội dung dạy học cụ thể ở lớp 3. Cột *Chủ điểm* nêu chủ điểm đề xuất trong Chương trình môn Tiếng Anh, ví dụ: Cộng đồng của chúng ta. Cột *Chủ đề* liệt kê các chủ đề liên quan đến các chủ điểm và người biên soạn tài liệu giáo khoa, GV có thể lựa chọn chủ đề phù hợp để dạy học trong chủ điểm tương ứng. Cột *Kỹ năng ngôn ngữ* quy định nội dung dạy học cụ thể các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp, lớp cụ thể. Cột *Kiến thức ngôn ngữ* đề xuất danh mục liên quan đến ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp cần thiết để đạt được các yêu cầu của Chương trình môn Tiếng Anh về phát triển năng lực giao tiếp.

6. Phương pháp giáo dục (PPGD)

6.1. Giới thiệu chung

6.1.1. Cơ sở xác định PPGD

Để xác định PPGD môn Tiếng Anh, cần căn cứ vào những yếu tố cơ bản như sau:

- Yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GDPT trong đó có đổi mới về PPGD đã được nêu trong các nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Chính phủ. Đó là Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông...

- Mục tiêu môn học ở các cấp học TH, THCS và THPT bao gồm mục tiêu về phẩm chất và mục tiêu về năng lực. Cả hai mục tiêu này được thực hiện trong

quá trình hình thành và phát triển năng lực giao tiếp TA cho học sinh dưới dạng nghe, nói, đọc, viết, chú trọng đến kỹ năng nghe và nói ở tiểu học và THCS, tiến đến dạy học đồng đều cả 4 kỹ năng này ở THPT. Điều này chi phối PPGD của môn học phải được lựa chọn theo phương thức tổ chức cho học sinh các hoạt động phù hợp để rèn luyện các kỹ năng tiếp nhận và tạo lập ngôn ngữ.

- Nội dung giáo dục trong Chương trình môn Tiếng Anh bao gồm ba mạch nội dung chính là (i) chủ điểm, chủ đề; (ii) năng lực giao tiếp thể hiện qua nghe, nói, đọc, viết; (iii) kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp). Yêu cầu về nội dung giáo dục đòi hỏi sử dụng các PPGD giúp học sinh tìm kiếm, tiếp cận nguồn ngữ liệu về nội dung học tập phù hợp, cách thức sử dụng ngữ liệu vào những tình huống, nhiệm vụ học tập khác nhau.

- Định hướng về PPGD nêu trong CT GDPT 2018 tổng thể, cụ thể là sử dụng những phương pháp tích cực hóa hoạt động của học sinh để học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được để phát triển.

- Những thành tựu nghiên cứu về PPGD những năm đầu thế kỉ XXI như những PPGD, kỹ thuật dạy học tích cực đã được truyền bá vào nước ta gần đây như dạy học ngôn ngữ giao tiếp, phương pháp dạy học kiến tạo, phương pháp học nhóm, phương pháp đặt và giải quyết vấn đề, ...

6.1.2. Định hướng chung

Đối với Lớp 1-2:

Chương trình Làm quen Tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 được xây dựng theo Đường hướng giao tiếp. Các phương pháp theo đường hướng này nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh. Năng lực giao tiếp ở giai đoạn này có thể chỉ dừng lại ở việc hiểu các ngữ cảnh giao tiếp và từng bước phản hồi phi ngôn ngữ hoặc bằng ngôn ngữ đơn giản. Ngoài ra, phương pháp dạy học cũng chú trọng đến quá trình lĩnh hội ngôn ngữ một cách tự nhiên của học sinh ở lứa tuổi này.

Một số định hướng và cách tiếp cận chủ đạo trong phương pháp dạy học bao gồm:

(i) Đối với giáo viên

Giáo viên là người tổ chức và hướng dẫn hoạt động dạy học. Giáo viên cần hiểu rõ đặc điểm tâm - sinh lí của học sinh đầu cấp Tiểu học và cách tiếp cận chủ đạo trong giảng dạy tiếng Anh ở giai đoạn này.

Giáo viên sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện dạy học cụ thể. Thông qua các phương pháp dạy học như: Hồi đáp phi ngôn ngữ (Total Physical Response), học tập trải nghiệm 15 (Experiential Learning), học tập dựa trên nhiệm vụ (Task-based learning), học tập dựa trên dự án (Project-based learning), giáo viên giúp học sinh được trải nghiệm ngôn ngữ ở dạng tự nhiên nhất theo trình tự nghe - nói - đọc - viết với mục đích giúp học sinh làm quen và yêu thích tiếng Anh. Đặc biệt, giáo viên không dạy học sinh kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ, cấu trúc ngữ pháp) tách rời khỏi ngữ cảnh.

Giáo viên cần tôn trọng giai đoạn lĩnh hội ngôn ngữ qua nghe hiểu không đi kèm hồi đáp bằng lời (Silent Period) giúp trẻ tích lũy đủ ngữ liệu trước khi sẵn sàng sản sinh lời nói. Do đó, học sinh cần được nghe và tham gia các hoạt động giao tiếp có ngữ cảnh nhưng không đòi hỏi phải nói khi các em chưa sẵn sàng. Các hoạt động đọc viết được giới thiệu từng bước sao cho phù hợp với khả năng nhận thức cũng như tương thích với giai đoạn đọc viết tiếng mẹ đẻ.

Giáo viên sử dụng phối hợp các tình huống, trò chơi hoặc bài hát kèm hành động, bài vẽ, sách truyện rất đơn giản bằng tiếng Anh, dễ nhớ, gần gũi với lứa tuổi lớp 1 và lớp 2. Đồng thời, các hoạt động dạy học giúp học sinh làm quen với hệ thống âm, bước đầu nhận diện các từ ngữ đơn giản trong các tình huống giao tiếp và có thể tham gia vào các hội thoại ngắn và quen thuộc. Giáo viên sử dụng các ứng dụng công nghệ tiên tiến và học liệu phong phú trong quá trình dạy học để nâng cao hiệu quả dạy học.

(ii) Đối với học sinh

Học sinh là chủ thể tham gia tích cực trong quá trình học tập. Học sinh cần được tạo cơ hội để trải nghiệm ngôn ngữ và tự tìm ra quy luật. Học sinh học thông qua trò chơi, bài hát, bài vẽ, kể chuyện, học để trải nghiệm ngôn ngữ chứ không phải phân tích và ghi nhớ, phát triển khả năng nhận diện hệ thống âm, chữ viết, từ vựng và cấu trúc.

Học sinh cần được ưu tiên phát triển kĩ năng nghe hiểu và khuyến khích hồi đáp phi ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp trước khi được yêu cầu hồi

đáp ngắn gọn, đơn giản bằng lời. Học sinh được phát triển kỹ năng nói trong tình huống đơn giản khi các em đã sẵn sàng.

Học sinh hình thành năng lực giao tiếp thông qua việc tham gia các hoạt động học phong phú, học mà chơi dưới các hình thức tương tác cá nhân, theo cặp, theo nhóm và cả lớp, tương tác giữa học sinh với giáo viên, giữa học sinh với học 16 sinh và giữa học sinh với học liệu (bao gồm cả học liệu điện tử). Học sinh được tiếp cận với các ứng dụng công nghệ tiên tiến và học liệu phong phú.

Học sinh luôn cần được giúp đỡ, khích lệ để duy trì hứng thú khi tham gia các hoạt động học tập. Học sinh tích cực học tập hơn khi nhận được hướng dẫn, gợi ý kịp thời và thân thiện từ phía giáo viên. Việc khuyến khích và biểu dương thường xuyên giúp học sinh tự tin và có động lực học tập.

Đối với lớp 3-5:

Từ những cơ sở nói trên, Chương trình môn Tiếng Anh quy định PPGD chủ đạo ở phổ thông là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp. Trong phần này, chúng tôi chỉ giới thiệu khái quát về PPGD trong Chương trình môn Tiếng Anh, các Thầy/Cô sẽ tìm hiểu kỹ và sâu hơn về PPGD ở hợp phần tiếp theo chuyên sâu về PPGD.

Chương trình môn Tiếng Anh nêu định hướng chung của PPGD là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp (CLT). Việc lựa chọn CLT làm PPGD chủ đạo khi dạy học môn Tiếng Anh xuất phát từ những lý do sau:

- Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp là phương pháp phù hợp và hiệu quả để đáp ứng mục tiêu cơ bản của CTTA ở phổ thông là phát triển năng lực giao tiếp TA. Đường hướng này nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của HS thông qua việc sử dụng các qui tắc ngữ pháp để tạo ra các câu đúng và phù hợp dưới dạng nghe, nói, đọc, viết.

- Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp cho phép và tạo cơ hội sử dụng các phương pháp, kỹ thuật, hình thức tổ chức dạy học phong phú, linh hoạt, phù hợp với điều kiện dạy học và đối tượng học sinh đa dạng ở các địa phương.

- Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp có những điểm tương đồng với đường hướng lấy người học làm trung tâm trong giáo dục học, từ đó khuyến khích giáo viên áp dụng những PPGD nhằm tăng cường tính hiệu quả của quá

trình dạy học trên cơ sở nhấn mạnh thích đáng đến vai trò học tập chủ động, sáng tạo, tích cực của học sinh.

Cần nhấn mạnh rằng, đường hướng này cũng quy định lại vai trò của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy - học. Trong quá trình dạy học theo CLT, giáo viên đảm nhiệm một số vai trò mới, trong đó bốn vai trò sau đây được cho là nổi bật: (i) người dạy học và nhà giáo dục, (ii) người cố vấn; (iii) người tham gia vào quá trình học tập; (iv) người học và người nghiên cứu.

Trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, học sinh phải được tạo điều kiện tối đa để thực sự trở thành (i) người đàm phán tích cực và có hiệu quả với chính mình trong quá trình học tập, (ii) người đàm phán tích cực và có hiệu quả với các thành viên trong nhóm và trong lớp học, (iii) người tham gia vào môi trường cộng tác dạy - học.

6.2. Một số lưu ý về PPGD đối với lớp 1-2

6.2.1. Đặc điểm học sinh lớp 1-2

Phương pháp tiếp cận, việc lựa chọn phương pháp và các thủ thuật dạy học không chỉ phù hợp cho trình độ mới bắt đầu học tiếng Anh mà còn phải quan tâm đến những đặc thù lứa tuổi về mặt tâm sinh lý, khả năng nhận thức, sự phát triển tư duy để có thể tổ chức tiến hành dạy học một cách hiệu quả. Học sinh lớp 1-2 không chỉ mang những đặc thù của người mới bắt đầu học tiếng Anh, mà còn mang những đặc điểm rất riêng của lứa tuổi tiểu học (Cameron, 2001; Moon, 2000; Brewster, Ellis & Girard, 2002).

Thứ nhất, trẻ em đang trong quá trình phát triển nhận thức, khám phá thế giới (Piaget, 1958). Trẻ em tư duy theo mô hình cụ thể, trực tiếp, đa giác quan và logic bằng các hoạt động nghe, nhìn, và chạm vào trực tiếp. Các em bị hạn chế trong việc nhận thức những khái niệm trừu tượng, khái quát như các quy tắc ngữ pháp, các thuật ngữ ngôn ngữ thông qua việc nghe giảng và học thuộc qui tắc. (Harmer, 2001). Trẻ em hiểu tình huống và ngữ cảnh nhanh hơn và chính xác hơn hiểu hình thức ngôn ngữ. Trong tiếng mẹ đẻ, trẻ có thể hiểu thông qua ngôn ngữ cơ thể, nét mặt, cử chỉ, ngữ điệu và tình huống. Trẻ sử dụng những đầu mối này để hiểu nghĩa và thường không chú ý đến hình thức ngôn ngữ. Khả năng hiểu tình huống và diễn giải ý nghĩa một cách tự nhiên cho phép học sinh ở đầu cấp tiểu học có thể nghe kể chuyện, xem băng hình hoặc nghe một đoạn hội

thoại mà không cần hiểu hết từng từ, vì như Moon (2000) đã nhận định, ở lứa tuổi luôn muốn tìm hiểu thế giới xung quanh, các em có tinh thần sẵn sàng tham gia, cố gắng nắm bắt ý nghĩa của tình huống và từ. Vì thế trong giảng dạy cần phải chú trọng các phần minh họa bằng ngữ cảnh, hành động cụ thể để học sinh có thể nhanh chóng hiểu được ngữ nghĩa và chức năng lời nói, tránh cách giải thích mang nặng tính học thuật hoặc đòi hỏi kiến thức về ngữ pháp, hình thái cấu trúc. Các phương pháp nghe nhìn (audiolingualism), hỏi đáp bằng ngôn ngữ cơ thể (total physical response), sử dụng câu chuyện (story-based), vv. là các phương pháp khai thác đặc điểm này ở trẻ em.

Thứ hai, về mặt thể chất, trẻ em ở độ tuổi đầu cấp tiểu học (6-7 tuổi) đang phát triển hệ thần vận động (psychomotor), chưa phối hợp tốt tay-mắt-tai nên khả năng nhìn và viết, nghe và viết còn rất hạn chế. Mục tiêu phát triển khả năng nghe nhìn gắn liền với phát triển khả năng phối hợp vận động thông qua các hoạt động học rất phù hợp cho trẻ ở lứa tuổi này. Ngoài ra, trong quá trình phát triển ngôn ngữ, trẻ không phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đồng thời như nhau. Trước khi trẻ em có thể sử dụng được ngôn ngữ, các em cần phải được đắm mình trong một môi trường ngôn ngữ giàu ngữ cảnh để các em có thể trải nghiệm ngôn ngữ, tiếp thụ, lý giải và suy diễn cách ngôn ngữ đó được sử dụng như thế nào (ngữ nghĩa, cách phát âm, trật tự từ). Nói cách khác, trẻ cần một ‘giai đoạn tĩnh’ (silent period) để tiếp thụ ngôn ngữ, trải nghiệm ngôn ngữ trước khi có thể sản sinh lời nói. Hiểu được đặc điểm này, giáo viên không nên ép học sinh phải nói khi các em chưa sẵn sàng.

Thứ ba, khả năng tập trung sự chú ý ở lứa tuổi tiểu học không cao. Các em thường không tập trung được lâu và dễ chán. Mục tiêu giúp trẻ tập trung thực hiện hành động có mục đích khi tham gia các hoạt động học trên lớp là cần thiết. Các hoạt động dành cho trẻ thường kéo dài từ 5-10 phút. Do đó, việc tổ chức hiệu quả các hoạt động quản lý lớp học giúp trẻ có thể thay đổi hoạt động nhanh chóng, tăng khả năng tập trung, đồng thời giúp trẻ hình thành năng lực xã hội và môi trường học tập ở tiểu học.

Thứ tư, trẻ em tiếp thụ ngôn ngữ tự nhiên thông qua việc tiếp xúc và thực hành liên tục (inductive) trong môi trường giàu ngôn ngữ. Trẻ thường không đi theo trình tự phân tích và không nhận thức được các đặc điểm hình thức cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ, luyện tập để biến kiến thức thành kỹ năng thành thục.

Việc tạo một môi trường giàu ngôn ngữ, phù hợp với đặc điểm và sở thích của trẻ tạo điều kiện cho trẻ tiếp thu ngôn ngữ hiệu quả nhất.

Thứ năm, trẻ ở lứa tuổi này còn rất nhạy cảm và dễ bị tổn thương khi bị người xung quanh có biểu hiện không đồng tình hoặc chê cười. Biết động viên đúng lúc sẽ là nguồn động lực rất hiệu quả đối với các em.

Thứ sáu, trẻ ở lứa tuổi này không ngại bắt chước và thích tưởng tượng. Các em yêu thích các nhân vật và đồ vật không có thật. Trẻ sẽ có nhu cầu giao tiếp cao hơn nếu các em được sử dụng trí tưởng tượng của mình để sống trong thế giới tưởng tượng. Thay vì phải mô tả các con vật trong thế giới thực, trẻ em sẽ thấy rất thú vị khi được vẽ một con quái vật và miêu tả nó. Một kênh phát huy trí tưởng tượng của trẻ em là thông qua đọc và kể chuyện. Các câu chuyện giúp trẻ muốn tưởng tượng và sáng tạo các câu chuyện của riêng mình, qua đó các em có thể thực hành nghe, nói, đọc, viết. Ngoài ra, các câu chuyện có thể giúp trẻ nhìn cuộc sống với một cách nhìn khác và đồng thời giới thiệu với các em những nền văn hoá khác nhau. Các câu chuyện cũng giúp phát triển kỹ năng tư duy của trẻ và có thể liên hệ với những môn học khác mà trẻ đang học ở trường. Sử dụng câu chuyện để giới thiệu một ngữ cảnh mới, nâng cao nhận thức về cấu trúc ngôn ngữ, và giúp trẻ học được cách phát âm và ngữ điệu một cách tự nhiên là một phương pháp rất phù hợp với lứa tuổi đầu cấp tiểu học.

Cuối cùng, trẻ quan tâm đến nghĩa và giao tiếp thực khi học ngôn ngữ ở lứa tuổi này. Do đó, trẻ có hứng thú học tập thông qua những hoạt động và những chủ đề vui vẻ thú vị, hấp dẫn phù hợp với lứa tuổi, được phép nghe và học, không bị thúc ép nói hoặc viết quá sớm, được phép vận dụng trí tưởng tượng của mình thông qua nhiều nguồn khác nhau ngoài sách giáo khoa, được thử nghiệm và nhận biết các hình thái ngôn ngữ nhưng không đòi hỏi phải học ngữ pháp, được trải nghiệm nhiều hoạt động khác như trò chơi, hát, kể chuyện chứ không chỉ nhắc lại và luyện đi luyện lại các nội dung nhằm chần.

Việc hiểu rõ những đặc điểm tâm lý cũng như mức độ nhận thức và phát triển thể chất của lứa tuổi học sinh đầu cấp tiểu học giúp lựa chọn phương pháp có cơ sở khoa học, phù hợp, hiệu quả và khả thi.

6.2.2. Phương pháp giáo dục

Theo Moon (2005), việc lựa chọn phương pháp phù hợp sẽ góp phần quan trọng vào việc hình thành thái độ tích cực và sự yêu thích học ngoại ngữ trọn đời cho trẻ. Dựa trên đặc điểm tâm sinh lý của trẻ, giáo viên có thể lựa chọn (không giới hạn) một số phương pháp và hoạt động dạy học có hiệu quả đối với trẻ tiểu học lớp 1-2 dưới đây. Nguyên tắc chung là tạo điều kiện sử dụng ngôn ngữ có ý nghĩa tối đa và phù hợp với sở thích, khả năng nhận thức và điều kiện tổ chức hoạt động. Khi tổ chức dạy ngoại ngữ cho trẻ cần phải đảm bảo quan điểm trải nghiệm. Cụ thể, Moon (2005) nêu một số nguyên tắc sau:

- Dựa trên hoạt động cụ thể
- Thời gian và không gian tại thời điểm học
- Tài liệu cụ thể
- Đảm bảo tính ngữ cảnh cao
- Tập trung vào giao tiếp (ý nghĩa ngôn ngữ) nhiều hơn dạng thức ngôn ngữ (form)
- Liên quan đến nhiều giác quan
- Có định hướng trò chơi và tính chất vui vẻ
- Tập trung nhiều hơn vào kỹ năng nghe nói ban đầu
- Nhiều hỗ trợ của giáo viên
- Nội dung phù hợp với năng lực nhận thức – khả năng ‘nhận diện’(‘noticing’) ngôn ngữ của người học

Mục này sẽ trình bày năm (5) nhóm phương pháp được khuyến nghị là hiệu quả và phù hợp hơn với người học thuộc lứa tuổi tiểu học:

(i) Nhóm phương pháp sử dụng trò chơi

Theo các nhà nghiên cứu “Phương pháp hiệu quả nhất là đưa trẻ vào một môi trường vừa học vừa chơi bằng tiếng Anh thông qua những bài giảng kết hợp với những hoạt động, trò chơi thú vị. Thay vì trẻ học “apple”, “banana”... bằng cách viết từng chữ cái ra giấy rồi học cách phát âm, chúng sẽ được tham gia những trò chơi bằng tiếng Anh gắn liền với bài giảng với âm thanh và hình ảnh sinh động, khi được nghe, nhắc lại nhiều lần trẻ sẽ tự nhớ từ mới theo phản xạ tự nhiên mà chưa cần phải biết cách viết. Các trò chơi học ngôn ngữ rất phong phú và đa dạng có thể thực hiện với tranh, thẻ từ, âm nhạc, vận động.

(ii) Nhóm phương pháp sử dụng vận động (TPR)

Học sinh lứa tuổi lớp 1 và 2 thường rất tò mò về thế giới xung quanh, thích được chạy nhảy, được chạm vào đồ thật, được chơi, được nghe, được nhìn tất cả những gì diễn ra và xuất hiện quanh mình. Chúng luôn muốn và cần được tạo điều kiện để khám phá thế giới xung quanh. Học sinh lứa tuổi này đang trong giai đoạn cơ thể phát triển, bởi vậy giáo viên cần tạo ra các cơ hội để giúp học sinh tham gia các hoạt động học tập đồng thời phát triển kỹ năng vận động.

(iii) Nhóm phương pháp kể chuyện

Trẻ yêu thích tưởng tượng, yêu thích các nhân vật không có thật. Do đó, phương pháp kể chuyện tạo điều kiện cho trẻ được sống cùng với nhân vật, được nghe, nhìn, và thậm chí hoá thân vào nhân vật để hành động và giao tiếp. Ngoài ra, câu chuyện với mạch chuyện có ý nghĩa và liên kết cũng giúp các em hiểu và nhớ được các tình huống sử dụng ngôn ngữ thú vị, có ý nghĩa.

(iv) Nhóm phương pháp quản lý lớp học

Nhóm quản lý lớp học bao gồm các bước và các kỹ thuật có thể sử dụng để tạo cho trẻ có thể nhanh chóng ổn định hoạt động khi chuyển đổi hoạt động, giúp trẻ có thể tập trung phối hợp thực hiện hoạt động với các bạn trong lớp. Nhóm phương pháp này bao gồm các hoạt động động viên, khen thưởng, giúp trẻ hình thành những hành vi và thái độ tích cực khi tham gia các hoạt động học tập trên lớp, giúp trẻ vui vẻ, tự tin và không sợ hãi (Wright, 2005).

(v) Phương pháp minh họa-trực quan

Giáo viên cần cho học sinh được quan sát, tiếp xúc và giao tiếp với các đối tượng, phương tiện như qua tranh ảnh, đồ chơi, vật thật, các hành động mẫu, hình ảnh tự nhiên hay qua các phương tiện nghe nhìn như ti vi, máy tính, thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói của giáo viên nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của học sinh.

Với Chương trình Làm quen Tiếng Anh lớp 1 và lớp 2, mỗi chủ đề ngôn ngữ đều có hệ thống tranh ảnh minh họa rất sinh động, đẹp mắt để giáo viên có thể dễ dàng giới thiệu đến học sinh hay tổ chức các trò chơi cho trẻ. Bên cạnh đó giáo viên nên sử dụng các video hỗ trợ cho từng chủ đề với hình ảnh chân thực và rất sống động. Với những sự kết hợp đó sẽ giúp học sinh luôn thấy hào hứng và bất ngờ.

6.2.3. Một số hoạt động dạy học gợi ý

Việc hiểu cần phải dạy gì là bước quan trọng đầu tiên đối với mỗi chương trình và bước kế tiếp giáo viên dạy tiếng Anh ở bậc tiểu học, đặc biệt là lớp 1 và 2, phải hiểu kỹ về cách giảng dạy, đặc biệt chú trọng đến tính kiên trì, sáng tạo và sự phát triển toàn diện ở trẻ. Cần phải quan niệm rằng ngôn ngữ và tư duy liên quan chặt chẽ với nhau, phải phát triển các khả năng ngôn ngữ song hành với khả năng tư duy. Vì thế, một chương trình cho trẻ làm quen với tiếng Anh ở lớp 1 và 2 dựa trên nền tảng chủ yếu là các kỹ năng giao tiếp có phản hồi, nghe và hỏi đáp (phi ngôn ngữ hoặc bằng những cụm từ và câu hết sức đơn giản) và vận động là điều rất cần thiết. Mục này trình bày một số hoạt động và các bước cụ thể có thể áp dụng cho học sinh lớp 1-2 (ĐANNQG, 2018).

1- Nghe và nhận diện: (Listen and identify)

- Giáo viên nói với học sinh về những thứ mà giáo viên lớp sẽ học
- Giáo viên yêu cầu học sinh chỉ vào hoặc đưa ra cho giáo viên xem những thứ mình vừa đọc tên

Ví dụ 1:

Teacher: Show me your book, your book.

(Pupils listen and hold up their books)

Teacher: OK, Good. Now show me your pencil, your pencil. Good!

Ví dụ 2:

Teacher: Point to the banana.

(Pupils listen and point to the picture of the banana.)

2- Nghe và làm theo (Listen and do - TPR)

Giáo viên:

- nói với học sinh điều mà các em phải làm
- phát âm rõ ràng với ngữ điệu tự nhiên
- giúp học sinh hiểu bằng cách làm mẫu hành động, điệu bộ, cử chỉ

Học sinh:

- nghe giáo viên hướng dẫn một cách cẩn thận và quan sát hành động của giáo viên
- làm theo các hoạt động của giáo viên một cách hứng thú
- có thể làm hành động cùng các bạn hoặc làm theo cá nhân

- thường là học sinh làm theo những gì giáo viên nói và không nói gì (chỉ nghe và bắt chước và làm hành động theo)
- hiểu bài vì hành động và ngôn ngữ được đưa ra cùng một lúc

Ví dụ 1: Follow the leader

Teacher: OK, now stand up. Walking, walking, we are walking (Làm hành động đang đi)

Now, jumping, jumping, we are jumping. (làm hành động nhảy lên)

Ví dụ 2: A pointing chant

Teacher: Point to the ceiling.

Point to the floor.

Point to the window.

Point to the door.

Clap your hands together.

One, two, three.

Now sit down and look at me.

Ví dụ 3: Simon says

Giáo viên

- đứng trước cả lớp
- hướng dẫn trước khi bắt đầu chơi
- nói với học sinh chỉ chuyển động theo yêu cầu khi nghe thấy giáo viên nói “Simon says”
- giải thích nếu giáo viên không nói “Simon says”, chúng phải đứng yên
- học sinh nào chuyển động khi giáo viên không nói “Simon says” sẽ bị loại khỏi trò chơi, ngồi trật tự để đợi lần chơi tiếp theo

Teacher: Stand up

(No one moves.)

Teacher: Simon says ... Stand up

(Pupils stand up)

Teacher: Very good.

Teacher: Put your hands up.

3- Nghe và trả lời đúng/ sai (Listen and choose)

- Giáo viên yêu cầu học sinh nghe cẩn thận

- Giáo viên giải thích mình sắp nói với học sinh 1 từ, cụm từ, câu nào đó (có thể nói đúng, có thể nói sai)
- Giáo viên yêu cầu học sinh lựa chọn câu trả lời đúng và sai (vỗ tay 1 lần nếu đúng, vỗ tay 2 lần nếu sai hoặc giơ bảng có chữ đúng/sai, hoặc giơ tay theo kí hiệu đúng, sai)

Ví dụ 1: Right or wrong / Yes or No Game

Teacher: OK. Play “right or wrong” game. Listen and remember. One clap: right ... two claps: wrong. Now listen carefully! It’s a book. (hold up the book) Right? It’s right. So ... (one clap)

Teacher: It’s a pencil. (hold up the pen). Right? No, it’s not a pencil. It’s a pen. So ... (two claps)

Teacher: Very good! It’s ...

4- Nghe và tô màu/vẽ (Listen and color/draw)

- Giáo viên giới thiệu chủ đề, nhiệm vụ.
- Giáo viên hướng dẫn bằng tiếng Anh (ngắn gọn, dễ hiểu nếu có thể) và đưa mẫu mà học sinh sắp phải thực hiện. Sử dụng hành động, cử chỉ giúp học sinh hiểu thêm.
- Giáo viên kiểm tra xem học sinh có hiểu hướng dẫn và biết mình phải làm gì cụ thể.

Ví dụ 1: Listen and color/draw (nghe và tô màu/vẽ)

- Chuẩn bị mẫu và đồ dùng (màu, phiếu tô) cho học sinh
- Ôn lại những từ chỉ màu mà học sinh sẽ tô và tên đồ vật cần tô
- Phát phiếu có in hình sẵn để học sinh tô màu/hoặc giấy để học sinh vẽ
- GV đưa ra chỉ dẫn. Học sinh nghe và tô màu/vẽ

5- Luyện tập từ vựng

- Khuyến khích học sinh nhắc lại từ nhiều lần
- Sử dụng tranh ảnh, âm thanh và các giác quan khác
- Sử dụng ngôn ngữ cử chỉ, hành động
- Sử dụng từ trong tình huống, ngữ cảnh

Những phương pháp trên để giúp học sinh làm quen với từ mới. Học sinh cần luyện tập và chơi với những từ mới đó.

Ví dụ 1: Guessing the picture

Giáo viên:

- Lấy một trong số các bức tranh và không để cho học sinh biết
- Yêu cầu học sinh đoán từ
- Nếu học sinh đoán đúng, sẽ lên chơi tiếp bằng cách lấy 1 tranh bất kỳ, không để ai biết với bức tranh tiếp theo
- Học sinh giấu tranh nói thầm cho giáo viên đó là từ gì
- Cả lớp đoán từ tiếp theo và tiếp tục trò chơi cho đến khi các tranh được đoán hết và gắn lên trên bảng

6- Luyện tập phát âm

- Giáo viên làm mẫu
- Học sinh nghe âm mẫu và tìm các ví dụ tương tự
- Học sinh đọc lại các âm tìm được

Ví dụ: “I spy with my little eye”

- Giáo viên nói với học sinh “I spy with my little eye something beginning with /k/
- Học sinh đoán từ, học sinh đầu tiên đoán đúng sẽ nói với giáo viên một từ khác (bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh)
- Sau đó giáo viên có thể nói âm đầu tiên của từ cho học sinh đó
- Cả lớp đoán từ
- Cả lớp đọc lại các từ đoán được (đếm từ tìm được).

6.3. Một số lưu ý khi dạy học phát triển năng lực giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết)

6.3.1. Năng lực và chương trình giáo dục phổ thông phát triển năng lực của người học

6.3.1.1. Khái niệm năng lực

Các nhà giáo dục học nêu ra nhiều định nghĩa khác nhau về năng lực (competency).

- Năng lực là “khả năng đáp ứng một cách hiệu quả những yêu cầu phức hợp trong một bối cảnh cụ thể”. Định nghĩa này nêu được đặc trưng quan trọng nhất để nhận diện năng lực là “hiệu quả”, nhưng chưa làm rõ được cấu trúc và “địa chỉ” tồn tại của năng lực.

- Năng lực là “tổng hợp các khả năng và kỹ năng sẵn có hoặc học được cũng như sự sẵn sàng của HS nhằm giải quyết những vấn đề nảy sinh và hành động một cách có trách nhiệm, có sự phê phán để đi đến giải pháp.” Định nghĩa này cũng nói tới sự đóng góp của những yếu tố “sẵn có” ở mỗi cá nhân vào việc phát triển năng lực của bản thân.

- Năng lực là “khả năng hành động, thành công và tiến bộ dựa vào việc huy động và sử dụng hiệu quả tổng hợp các nguồn lực để đối mặt với các tình huống trong cuộc sống.” .

Cụ thể hoá thêm một bước, Chương trình Giáo dục Trung học bang Québec, Canada năm 2004 nói rõ là trong các nguồn lực được huy động có cả nguồn lực của cá nhân HS lẫn sự trợ giúp từ những nguồn khác: “Năng lực có thể định nghĩa như là một khả năng hành động hiệu quả bằng sự cố gắng dựa trên nhiều nguồn lực. Những nguồn lực này được sử dụng một cách phù hợp, bao gồm tất cả những gì học được từ nhà trường cũng như những kinh nghiệm của HS ; những kỹ năng, thái độ và sự hứng thú; ngoài ra còn có những nguồn lực bên ngoài, chẳng hạn như bạn cùng lớp, thầy giáo, cô giáo, các chuyên gia hoặc các nguồn thông tin khác.” . Điểm mới của hai định nghĩa này là gọi ra “địa chỉ” tồn tại của năng lực: hành động của con người.

Các tác giả Việt Nam đã tìm cách nhận diện năng lực và xác định cấu trúc của năng lực phục vụ cho việc xây dựng CT GDPT 2018. Từ các nghiên cứu này, có thể thấy rằng năng lực bộc lộ qua hoạt động và được đánh giá bằng hiệu quả của hoạt động. Đặc trưng này cung cấp cho ta tiêu chí nhận diện năng lực. Vì mỗi hoạt động (bao giờ cũng có mục đích) có thể được phân giải thành các thành hành vi (không có mục đích riêng) nên năng lực sẽ được đánh giá qua các hành vi đó. Có thể phân giải cấu trúc của năng lực thành: các hợp phần (components of competency), các chỉ số hành vi (behavioral indicator) và đánh giá mức độ thuần thục của các hành vi này bằng tiêu chí chất lượng (quality criteria).

Dựa vào những kết quả nghiên cứu nói trên, CT GDPT 2018 tổng thể giải thích khái niệm năng lực như sau: “Năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác

như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể.”

Từ định nghĩa trên, có thể rút ra những đặc điểm chính của năng lực là:

– Năng lực là sự kết hợp giữa tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện của người học;

– Năng lực là kết quả huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,...

– Năng lực được hình thành, phát triển thông qua hoạt động và thể hiện ở sự thành công trong hoạt động thực tiễn.

6.3.1.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực và căn cứ xác định yêu cầu cần đạt về năng lực của người học

CT GDPT 2018 hình thành và phát triển cho học sinh những năng lực cốt lõi sau: (i) Những năng lực chung được tất cả các môn học và hoạt động giáo dục (HĐGD) góp phần hình thành, phát triển: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; (ii) Những năng lực chuyên môn được hình thành, phát triển chủ yếu thông qua một số môn học và HĐGD nhất định: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất.

Bên cạnh việc hình thành, phát triển các năng lực cốt lõi, CT GDPT 2018 còn góp phần phát hiện, bồi dưỡng năng lực đặc biệt (năng khiếu) của HS.

Căn cứ để xác định các năng lực cốt lõi trong CT GDPT 2018 là CT GDPT của một số nước phát triển và một số tài liệu giáo dục của các tổ chức quốc tế¹,

Tài liệu của OECD đưa ra 3 nhóm năng lực cốt lõi là: (i) Sử dụng có tính tương tác các phương tiện thông tin và công cụ, bao gồm: khả năng sử dụng tương tác ngôn ngữ, kí hiệu và văn bản; khả năng sử dụng tương tác tri thức và thông tin; khả năng sử dụng tương tác các công nghệ; (ii) Tương tác trong các

¹ Chủ yếu là ba tài liệu sau: (i) The Definition and Selection of Key Competencies: Executive Summary (Xác định và lựa chọn các năng lực cốt lõi: Tóm tắt) của OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế, năm 2005); (ii) Key Competencies for Lifelong Learning – A European Reference Framework (các năng lực cốt lõi để học tập suốt đời – Khung tham chiếu châu Âu) của EU (Liên minh Châu Âu, năm 2006); (iii) New Vision for Education: Unlocking the Potential of Technology (Tầm nhìn mới về giáo dục: Mở khóa cho tiềm năng của công nghệ) của WEF (Diễn đàn Kinh tế Thế giới, năm 2015).

nhóm không đồng nhất, bao gồm: Khả năng duy trì các mối quan hệ tốt với những người khác; khả năng hợp tác; khả năng giải quyết các xung đột; (iii) Khả năng hành động tự chủ, bao gồm: khả năng hành động trong các nhóm phức hợp; khả năng tổ chức và thực hiện các kế hoạch về cuộc sống và dự án cá nhân; khả năng nhận thức các quyền, lợi ích, giới hạn và nhu cầu cá nhân.

Đây là những năng lực chung mà tất cả các môn học và HĐGD đều cần và có thể hình thành, phát triển ở học sinh. Dựa vào bản chất của các nhóm năng lực này, CT GDPT 2018 của Việt Nam đã đặt lại tên và thay đổi vị trí sắp xếp các năng lực cho phù hợp với quan niệm truyền thống: năng lực Tự chủ và tự học (năng lực thể hiện trong quan hệ với bản thân), năng lực Giao tiếp và hợp tác (năng lực thể hiện trong quan hệ với người khác), năng lực Giải quyết vấn đề và sáng tạo (năng lực thể hiện trong quan hệ với công việc).

Tài liệu của EU đưa ra 8 năng lực cốt lõi: (i) Giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ; (ii) Giao tiếp bằng tiếng nước ngoài; (iii) Năng lực toán học và năng lực trong khoa học tự nhiên và công nghệ; (iv) Năng lực kỹ thuật số; (v) Năng lực học tập (học cách học); (vi) Năng lực xã hội và công dân; (vii) Sáng kiến và tinh thần kinh doanh; (viii) Ý thức văn hoá và khả năng biểu đạt văn hoá.

EU đưa ra những năng lực này để xác định các lĩnh vực giáo dục và căn cứ đánh giá kết quả giáo dục. Đây là những năng lực chuyên môn, mỗi năng lực gắn với một số môn học và HĐGD nhất định.

Tài liệu của WEF đưa ra 3 nhóm kỹ năng (Skills) của thế kỷ 21 là: (i) Học vấn nền tảng (Foundational Literacies), bao gồm: học vấn nền tảng về đọc viết, học vấn nền tảng về tính toán, học vấn nền tảng về khoa học, học vấn nền tảng về công nghệ thông tin, học vấn nền tảng về tài chính, văn hoá nền tảng về công dân và xã hội; (ii) Năng lực (Competencies), bao gồm: tư duy phản biện/giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác; (iii) Phẩm chất (Character Qualities), bao gồm: ham tìm hiểu, sáng kiến, kiên trì/dũng cảm, ứng dụng, lãnh đạo, hiểu biết về xã hội và văn hoá.

Tóm lại, có thể thấy 3 năng lực chung và 7 năng lực chuyên môn mà CT GDPT 2018 của Việt Nam nêu ra về cơ bản phù hợp với quan niệm và danh sách các năng lực cốt lõi được xác định trong các tài liệu đã dẫn của OECD, EU và WEF.

6.3.1.3 Chương trình giáo dục phát triển năng lực của người học

Để phát triển năng lực của người học, CT GDPT của các nước thường chú trọng những vấn đề sau: (i) Dạy học phân hoá để phát huy tốt nhất tiềm năng, sở trường, phù hợp với sở thích, hứng thú của mỗi học sinh; (ii) Dạy học thông qua các chủ đề, học phần, môn học tích hợp để giúp người học rút ngắn quá trình huy động tổng hợp các nguồn lực thành năng lực; (iii) Dạy học thông qua hoạt động tự học, thực hành, vận dụng của người học để hình thành, phát triển vững chắc năng lực của người học qua hoạt động.

CT GDPT 2018 của nước ta đã vận dụng những kinh nghiệm nói trên để đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục, cụ thể là:

a) Dạy học phân hoá

CT GDPT hiện hành có nội dung giáo dục gần như đồng nhất cho tất cả HS; yêu cầu cá thể hoá và định hướng nghề nghiệp cho học sinh, ngay cả ở cấp THPT, chưa được xác định rõ ràng.

Trong giai đoạn giáo dục cơ bản, CT GDPT 2018 một mặt thực hiện giáo dục toàn diện và tích hợp, mặt khác, thiết kế một số môn học và hoạt động giáo dục (HĐGD) theo các học phần, chủ đề, tạo điều kiện cho học sinh lựa chọn những học phần hoặc chủ đề phù hợp với sở thích và năng lực của bản thân. Trong giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, bên cạnh một số môn học và HĐGD bắt buộc, học sinh được lựa chọn những môn học, học phần và chuyên đề phù hợp với sở thích, năng lực và định hướng nghề nghiệp của mình.

b) Dạy học tích hợp

Dạy học tích hợp là định hướng dạy học giúp học sinh phát triển khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong đời sống, qua đó phát triển được năng lực cần thiết, nhất là năng lực giải quyết vấn đề. Tính tích hợp thể hiện qua sự huy động, kết hợp, liên hệ các yếu tố có liên quan với nhau của nhiều lĩnh vực, nhiều môn học để giải quyết có hiệu quả một vấn đề và thường đạt được nhiều mục tiêu khác nhau.

Dạy học tích hợp là xu thế chung của CT GDPT các nước. Ở Việt Nam, dạy học tích hợp đã được thực hiện trong CT hiện hành. Tuy nhiên, so với CT hiện hành, chủ trương dạy học tích hợp trong CT GDPT 2018 có một số điểm

khác như: tăng cường tích hợp nhiều nội dung trong cùng một môn học, xây dựng một số môn học tích hợp mới ở các cấp học, tinh thần chung là tích hợp mạnh ở các lớp học dưới và phân hoá dần ở các lớp học trên; yêu cầu tích hợp được thể hiện cả trong mục tiêu, nội dung, phương pháp và đánh giá kết quả giáo dục.

Ở cấp tiểu học, CT GDPT 2018 tiếp tục xây dựng một số môn học có tính tích hợp trên cơ sở phát triển các môn học tích hợp đã có như: Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lí, Khoa học.

Ở cấp trung học cơ sở, CT GDPT 2018 xây dựng hai môn học mới có tính tích hợp là: (i) Khoa học tự nhiên (được hình thành chủ yếu từ các môn Vật lí, Hoá học, Sinh học trong CT hiện hành); (ii) Lịch sử và Địa lí (được hình thành chủ yếu từ các môn Lịch sử, Địa lí trong CT hiện hành).

Ở cả ba cấp học còn có một hoạt động giáo dục tích hợp là Hoạt động trải nghiệm (tiểu học) và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (trung học cơ sở và trung học phổ thông).

c) Dạy học thông qua hoạt động tích cực của người học

Trong thời gian qua, hình thức tổ chức giáo dục trong GDPT ở nước ta chủ yếu là dạy học trên lớp, chưa coi trọng việc tổ chức các hoạt động xã hội, hoạt động trải nghiệm. Phương pháp giáo dục nhìn chung còn lạc hậu, chưa chú trọng dạy cách học và phát huy tính chủ động, khả năng sáng tạo của học sinh.

Đặc điểm chung của các phương pháp giáo dục được áp dụng trong CT GDPT 2018 là tích cực hoá hoạt động của người học, trong đó giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích lũy được để phát triển. Các hoạt động học tập của học sinh bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống) được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu như học lí thuyết; thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu; tham gia seminar, tham quan, cắm trại,

đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng. Tùy theo mục tiêu cụ thể và tính chất của hoạt động, học sinh được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Tuy nhiên, dù làm việc độc lập, theo nhóm hay theo đơn vị lớp, mỗi học sinh đều phải được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

Việc phân chia thành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết không có nghĩa là các kỹ năng này được dạy học riêng biệt. Việc phân chia này chủ yếu để sử dụng cho mục đích thảo luận, nghiên cứu mang tính học thuật, trong thực tế dạy học, những kỹ năng này cần được giới thiệu và thực hành luyện tập theo hướng tích hợp.

6.3.2. Các kỹ năng tiếp nhận ngôn ngữ

Các kỹ năng tiếp nhận trong Chương trình môn Tiếng Anh là kỹ năng nghe và kỹ năng đọc. Không nên coi những kỹ năng này là kỹ năng thụ động mà ngược lại, những kỹ năng này đòi hỏi người học phải tham gia tích cực vào quá trình tiếp nhận thông tin. Người học không chỉ phải giải mã thông điệp tiếp nhận được trong quá trình giao tiếp mà còn phải diễn giải được văn bản tiếp nhận thông qua việc huy động kiến thức về thế giới xung quanh cũng như về ngôn ngữ tiếng Anh, ở giai đoạn cao hơn, học sinh còn phải biết vận dụng tư duy phản biện và suy luận trong quá trình giao tiếp nghe và đọc.

(i) Kỹ năng nghe

Khi dạy kỹ năng nghe, giáo viên cần nắm được một số PPGD theo hai nhóm sau:

- Phương pháp dạy nghe nhận biết, phân biệt âm, trọng âm từ, trọng âm câu, ngữ điệu, nhịp điệu.

- Phương pháp dạy nghe hiểu (ở cả ba cấp học) từ, cụm từ, câu, đoạn văn bản thuộc các thể loại khác nhau và có độ dài theo qui định trong chương trình.

Việc luyện tập thực hành kỹ năng nghe đòi hỏi sự nỗ lực của cả giáo viên và học sinh vì đây là kỹ năng thường gây lúng túng, lo lắng nhiều cho người học. Do vậy giáo viên cần:

- Tạo tâm thế tự tin, thoải mái, sẵn sàng cho học sinh trước khi bắt đầu hoạt động nghe.

- Thực hiện giai đoạn chuẩn bị nghe một cách kỹ lưỡng: giải thích cho học sinh hiểu rõ nhiệm vụ cần thực hiện, khai thác tối đa những ngữ liệu/thông tin được cung cấp trong nhiệm vụ nghe.

- Lựa chọn nội dung nghe phù hợp với trình độ ngôn ngữ của học sinh, trong phạm vi môi quan tâm của các em.

- Sử dụng băng/đĩa có chất lượng ghi âm tốt, tốc độ lời nghe vừa phải, tự nhiên.

- Cung cấp ví dụ mẫu nếu cần thiết.

- Hướng dẫn học sinh làm quen và sử dụng những chiến lược nghe phù hợp như nghe và dự đoán tiến trình của các sự kiện; nghe và ghi chép ngắn gọn thông tin cần thiết, nghe và suy luận ngữ nghĩa, thông tin ẩn giấu trong văn bản dựa vào tình huống, tranh ảnh, ngữ liệu, ... gợi ý.

(ii) Kỹ năng đọc

Khi dạy kỹ năng đọc, giáo viên cần nắm được một số PPGD theo hai nhóm sau:

- Phương pháp dạy kỹ thuật đọc (chủ yếu với cấp tiểu học): đọc chữ cái, từ, cụm từ, câu, đoạn văn.

- Phương pháp dạy đọc hiểu (ở cả ba cấp học) từ, cụm từ, câu, đoạn văn bản thuộc các thể loại khác nhau và có độ dài theo qui định trong chương trình.

Tùy vào đối tượng học sinh ở từng cấp, lớp và yêu cầu cụ thể của từng nhiệm vụ, giáo viên cần vận dụng các phương pháp, kỹ thuật và hình thức dạy học kỹ năng đọc cho phù hợp như: đọc diễn cảm, đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai để giải quyết một tình huống, sử dụng câu hỏi trong giai đoạn chuẩn bị, hướng dẫn quan sát, ghi chép, đánh dấu, ... trong quá trình đọc, tổ chức cho học sinh thảo luận, tóm tắt, vẽ tranh về nội dung văn bản đã đọc, ... sau khi đọc văn bản.

6.3.3. Các kỹ năng tạo lập ngôn ngữ

(i) Kỹ năng nói

Khi dạy kỹ năng nói, giáo viên cần nắm được một số PPGD theo hai nhóm sau:

- Phương pháp dạy kỹ thuật nói (chủ yếu với cấp tiểu học): phát âm các âm, nói các từ, cụm từ, câu, lưu ý đến trọng âm, ngữ điệu, nhịp điệu.

- Phương pháp dạy nói (ở cả ba cấp học) độc thoại và nói tương tác theo các yêu cầu qui định trong chương trình.

Phương pháp chủ yếu trong dạy nói, đặc biệt là trong dạy kỹ thuật nói là giáo viên cho học sinh nghe đoạn ghi âm các âm, từ, câu, ... hoặc làm mẫu đồng thời hướng dẫn cách làm và tổ chức cho học sinh thực hành. Trong dạy nói độc thoại và nói tương tác, giáo viên cần làm mẫu, hướng dẫn cách thức để học sinh luyện tập chuẩn bị nói độc thoại, hỏi và trả lời, tranh luận, ... về chủ điểm/chủ đề theo qui định trong chương trình. Cần tạo được môi trường thân thiện để học sinh tự tin khi nói TA, hỗ trợ học sinh trong giai đoạn chuẩn bị và luyện tập nói (sử dụng tranh ảnh, đồ vật, thẻ từ, gợi ý về ngữ liệu, ...), hướng dẫn học sinh điều chỉnh nội dung nói, cách nói (từ ngữ, âm lượng và ngữ điệu), sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ trong khi nói, trình bày.

Ở tiểu học, cần chú trọng các hoạt động nói và nghe về chủ điểm đã học, kể chuyện, thảo luận về một vấn đề trong bài đọc...; sử dụng các kỹ thuật dạy học chủ yếu như đặt câu hỏi, đóng vai (nói theo vai), kể lại câu chuyện (có gợi ý).

Ở trung học, cần tăng cường tổ chức cho học sinh thuyết trình về một vấn đề, thảo luận, tranh luận; hướng dẫn học sinh sử dụng phương tiện nghe nhìn (sơ đồ, biểu bảng, tranh ảnh, clip,...) để tăng hiệu quả thể hiện ý tưởng khi nói; sử dụng các kỹ thuật dạy học chủ yếu như thảo luận nhóm, tranh luận, đóng vai, trình bày dự án, ...

(ii) Kỹ năng viết

Tương tự kỹ năng đọc, dựa vào yêu cầu cần đạt của chương trình có thể thấy trong việc dạy kỹ năng viết, giáo viên cần nắm được một số phương pháp theo hai nhóm sau:

- Phương pháp dạy kỹ thuật viết (chủ yếu ở cấp tiểu học)
- Phương pháp dạy viết câu và đoạn văn liên quan đến các loại văn bản khác nhau và có độ dài theo qui định trong chương trình.

Để dạy kỹ thuật viết, giáo viên chủ yếu dùng phương pháp rèn luyện theo mẫu. Phương pháp này được thực hiện qua các bước: (i) Hướng dẫn học sinh quan sát mẫu (mẫu chữ cái, mẫu từ viết đúng chính tả, mẫu câu có viết hoa chữ

cái đầu câu và dấu câu); (ii) Gọi ý học sinh nhận biết đặc điểm, chức năng của mẫu bằng các câu hỏi gợi ý; (iii) Hướng dẫn học sinh viết theo mẫu (viết chữ cái, viết từ, viết câu); (iv) Đánh giá kết quả viết theo mẫu (nhận xét của giáo viên hoặc học sinh nhận xét lẫn nhau) để học sinh biết những điểm mình đã làm được và những điểm mình chưa làm được.

Ở cấp tiểu học, dạy viết bao gồm dạy kỹ thuật viết và dạy viết câu đơn lẻ và đoạn văn đơn giản về các chủ điểm, chủ đề trong phạm vi chương trình dựa trên gợi ý dưới dạng tranh ảnh, ngữ liệu, Dạy kỹ thuật viết (tập viết chữ cái, từ, câu) chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết đoạn các câu và văn bản được thực hiện qua các hình thức linh hoạt: có thể sử dụng các phương pháp như rèn luyện theo mẫu, đặt câu hỏi, trao đổi cặp/nhóm, viết sáng tạo (có gợi ý).

Ở cấp THCS và THPT, bên cạnh luyện tập viết câu và đoạn văn bản (có gợi ý) về các chủ điểm/chủ đề quen thuộc, giáo viên cần yêu cầu học sinh thực hiện những nhiệm vụ phức tạp hơn như thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế) dưới dạng ghi chép tóm tắt; biết tự chỉnh sửa, nhận xét, trao đổi trong nhóm về sản phẩm viết để hoàn thiện và rút kinh nghiệm sau mỗi lần viết bài. Ở hai cấp học này, giáo viên cần chú ý hướng dẫn kỹ thuật viết tích cực nhằm giúp học sinh vừa thành thạo kỹ năng tạo lập theo từng kiểu văn bản (miêu tả, trình bày ý kiến cá nhân, văn bản hành chính đơn giản, ...), vừa phát triển tư duy phê phán, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thể hiện qua bài viết. Bên cạnh các văn bản thông thường, học sinh nên được khuyến khích rèn luyện tạo lập văn bản điện tử và văn bản đa phương tiện.

Giáo viên sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở để hướng dẫn học sinh hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho học sinh thực hành viết văn bản theo cách: viết từng phần của văn bản (mở bài, kết bài, một hoặc một số đoạn trong thân bài).

Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà học sinh cần thực hiện; yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá...

Định hướng chung của các phương pháp, kỹ thuật dạy viết là học sinh thực hành trên cơ sở được giáo viên hỗ trợ trong suốt quá trình học cách tạo lập văn bản, từ quan sát, phân tích văn bản mẫu, tự viết văn bản theo yêu cầu đến chỉnh sửa văn bản. Sau khi viết xong, học sinh cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

6.4. Vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Anh

Bên cạnh tham khảo định hướng về PPGD chung cho các môn học trong CTGDPT mới, giáo viên dạy tiếng Anh cần nắm vững các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đặc trưng của môn học. Chương trình môn Tiếng Anh mới xác định các PPGD đều nhằm hướng tới yêu cầu phát triển bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; vì thế tương ứng với các kỹ năng này cần có các PPGD phù hợp với mỗi kỹ năng. Trong phạm vi văn bản chương trình quốc gia, Chương trình môn Tiếng Anh không thể mô tả cụ thể tất cả các phương pháp, kỹ thuật dạy học được sử dụng trong giờ học tiếng Anh. Dưới đây là một số phương pháp, kỹ thuật và hình thức tổ chức dạy học phổ biến theo đường hướng CLT. Những hoạt động dạy học theo đường hướng CLT trong phạm vi lớp học cần được lựa chọn để có thể thúc đẩy hoạt động giao tiếp thực của học sinh thông qua những nhiệm vụ giao tiếp có nghĩa, hỗ trợ hiệu quả cho quá trình học tập của học sinh nói chung.

(i) Trò chơi

Trò chơi là hình thức học tập hiệu quả đối với học sinh nhỏ tuổi. Do đặc điểm tâm – sinh lí của học sinh ở lứa tuổi nhỏ chưa có động cơ học ngoại ngữ chủ động như người học lớn tuổi, trò chơi tạo hứng thú học tập cho học sinh và hơn nữa, trò chơi còn giúp học sinh giảm căng thẳng, lo lắng trong giai đoạn bắt đầu tiếp xúc với một ngôn ngữ mới ngoài tiếng mẹ đẻ. Trò chơi cũng giúp giáo viên tạo lập tình huống để học sinh học ngoại ngữ trong ngữ cảnh có nghĩa khi luyện tập giao tiếp. Trò chơi cũng là hình thức dạy học ngoại ngữ hiệu quả đối với cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Giáo viên có thể sử dụng các loại hình trò chơi đa dạng như trò chơi đoán thông tin, trò chơi dưới hình thức hát/múa/hoạt động cơ thể, trò chơi sử dụng bảng hoặc trò chơi từ vựng.

(ii) Bài hát và bài thơ vần

Bài hát và bài thơ vẫn là những kỹ thuật dạy học hiệu quả, đặc biệt là đối với giai đoạn đầu cấp tiểu học. Trẻ em thường có nhạy cảm đặc biệt đối với âm và nhịp điệu, vì vậy sử dụng bài hát và bài thơ vẫn sẽ giúp các em tiếp cận với một ngôn ngữ mới một cách tự tin hơn, thông qua đó tạo động lực học tập cũng như thu hút sự chú ý của các em đối với nội dung bài học. Giáo viên có thể sử dụng các bài hát và bài thơ vẫn truyền thống cũng như hiện đại để dạy học (bao gồm cả những bài hát và bài thơ vẫn có sử dụng các động tác đi kèm). Những hình thức dạy học này giúp học sinh luyện tập phát âm, ngữ điệu, nhịp điệu, phát triển kỹ năng nghe cũng như là nguồn tư liệu dạy học phong phú về đặc trưng văn hóa của các nước nói tiếng Anh.

(iii) Kể chuyện

Kể chuyện là hoạt động dạy học mang tính hiệu quả cao đối với học sinh tiểu học. Hoạt động này giúp học sinh rèn luyện các kỹ năng tiếp thu ngôn ngữ mà không phải chịu áp lực tạo lập ngôn ngữ. Trong trường hợp học sinh cần phải thực hiện hoạt động tạo lập ngôn ngữ (nói và viết), giáo viên có thể sử dụng hoạt động vẽ, tô màu, bắt chước, đóng kịch, ... để thay thế.

Hoạt động kể chuyện giúp học sinh tiếp thu nội dung câu chuyện, vừa nghe chuyện vừa rèn luyện nghe trọng âm từ, trong âm câu, ngữ điệu và nhịp điệu. Giáo viên có thể giản lược hóa câu chuyện để phù hợp với trình độ tiếp thu của học sinh hoặc cho học sinh nghe những câu chuyện nguyên bản nhưng có hỗ trợ học sinh tiếp thu nội dung truyện thông qua tranh ảnh, đồ vật, cử chỉ, ngữ điệu, giọng nói, nét mặt, ... Trong quá trình nghe và hiểu nội dung chính của câu chuyện, học sinh làm quen với các chiến lược giải mã ngữ nghĩa của câu chuyện mà không nhất thiết phải biết nghĩa từng từ riêng lẻ.

Để thực hiện hoạt động kể chuyện có hiệu quả, giáo viên cần lựa chọn những câu chuyện phù hợp với trình độ ngôn ngữ và mối quan tâm của học sinh, đồng thời từ câu chuyện đó có thể thiết kế các hoạt động phong phú, đa dạng để rèn luyện thực hành giao tiếp

(iv) Đóng vai

Đóng vai là kỹ thuật dạy học tạo cơ hội cho học sinh sử dụng những cấu trúc, từ vựng đã học vào giao tiếp khẩu ngữ trong những tình huống gần với đời sống thực. Trong khi đóng vai, học sinh còn có thể quan sát, nhận xét về hoạt

động và phản hồi của các bạn cùng tham gia đóng vai với mình, qua đó có thể nhận biết được hiệu quả giao tiếp của bản thân trong tình huống giả định. Đóng vai cũng tạo cơ hội để học sinh quan sát, nhận biết và thực hiện những hành vi giao tiếp phi ngôn từ thông qua cử chỉ, nét mặt và ánh mắt.

Sử dụng đóng vai trong luyện tập, thực hành giao tiếp nghe-nói là hoạt động có thể được thực hiện với những đối tượng học sinh ở các lứa tuổi khác nhau, từ tiểu học đến trung học. Đây là hoạt động mang tính hấp dẫn và tạo động lực giao tiếp tiếng Anh, đặc biệt ở giai đoạn đầu học ngoại ngữ. Bên cạnh đó, đóng vai còn khuyến khích học sinh mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp và giúp học sinh mở rộng môi trường giao tiếp tiếng Anh ngoài lớp học thông qua các tình huống như ở đặt món ăn trong nhà hàng, làm thủ tục check-in ở sân bay, mua hàng trong siêu thị, hỏi đường cảnh sát giao thông khi bị lạc, ...

(v) Dự án

Dự án trong dạy học ngoại ngữ là hoạt động mang lại nhiều hiệu quả bởi hoạt động này có thể hỗ trợ cho dạy học tập trung vào người học, phát triển năng lực tự chủ của học sinh, phát huy học tập hợp tác và khuyến khích dạy học theo nhiệm vụ. Những dự án phù hợp với hứng thú của học sinh, hoặc do học sinh tự lựa chọn trên cơ sở mỗi quan tâm cá nhân sẽ giúp các em tham gia tích cực hơn. Dự án có thể thu hút sự hợp tác của những học sinh có năng lực và năng khiếu khác nhau và giúp cho những học sinh có trình độ ngoại ngữ yếu hơn cảm thấy tự tin hơn trong quá trình thực hiện dự án. Hơn nữa, thông qua hoạt động dự án, hứng thú học tập của học sinh được tăng lên, các kỹ năng ngôn ngữ được tích hợp với nhau, năng lực học tập tự chủ của học sinh được hình thành và phát triển, quan hệ liên nhân giữa học sinh được thúc đẩy, cơ hội cọ xát với các vấn đề mang tính giao văn hóa được tạo lập cho các thành viên tham gia dự án.

Trong hoạt động dự án, giáo viên đóng vai trò là người điều phối, tư vấn và hỗ trợ học sinh. Giáo viên phải thường xuyên có mặt trong lớp học để điều phối hoạt động, cung cấp sự trợ giúp về ngôn ngữ một cách kịp thời cho học sinh, cung cấp các nguồn tham khảo, khuyến khích học sinh thảo luận, tham gia vào dự án và cung cấp kịp thời phản hồi về kết quả công việc mà học sinh vừa hoàn thành.

Một số loại hình dự án phổ biến có thể sử dụng trong giờ học TA là thực hiện khảo sát trong phạm vi lớp học, làm báo tường, thiết kế quảng cáo hoặc tìm hiểu các quốc gia và các nền văn hóa khác nhau (truyện cổ tích, truyền thuyết, những nhân vật nổi tiếng, ...).

(vi) Dạy học trải nghiệm

Dạy học trải nghiệm được bắt nguồn từ tư tưởng “learning by doing”, nhấn mạnh đến học đi đôi với hành. Dạy học trải nghiệm là tiếp cận dạy học trong đó người dạy có thể sử dụng những phương pháp và kỹ thuật dạy học khác nhau để khuyến khích người học tham gia trải nghiệm thực tế, trong quá trình đó người học có thể mở rộng vốn kiến thức và tầm hiểu biết, hình thành và phát triển các kỹ năng, định hình và tăng cường các giá trị, thái độ, từ đó hoàn thiện bản thân để có thể đóng góp tích cực hơn vào các hoạt động của cộng đồng và xã hội. Thông thường, con người có thể ghi nhớ chỉ 20-30% thông tin thông qua đọc, nghe, nhìn, nhưng có thể lưu lại 90% thông tin thông qua trải nghiệm, thực hành. Dạy học trải nghiệm là một trong những phương pháp hữu hiệu để rút ngắn khoảng cách giữa lý thuyết và thực hành.

Dạy học trải nghiệm Tiếng Anh là tiếp cận dạy học có thể được thực hiện linh hoạt ở những đối tượng học sinh khác nhau trong những điều kiện dạy học khác nhau. Thông qua những tình huống, ngữ cảnh gần gũi với đời sống thực và mang tính ứng dụng cao như đóng vai, thuyết trình, chơi trò chơi, xử lý tình huống, ... học sinh có cơ hội giao tiếp tiếng Anh kết hợp rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho cuộc sống học tập và sinh hoạt của các em trong tương lai một cách chủ động, tự tin, sáng tạo. Giáo viên có thể tổ chức dạy học trải nghiệm tiếng Anh thông qua các hoạt động như: xem phim, làm phóng sự bằng tiếng Anh, làm phỏng vấn người nước ngoài, làm hướng dẫn viên du lịch với người nước ngoài, làm talkshow về ẩm thực Việt Nam, ...

7. Đánh giá kết quả giáo dục

7.1. Đối với lớp 1-2

Trong quá trình thực hiện kiểm tra đánh giá việc làm quen với tiếng Anh của học sinh lớp 1 và lớp 2, giáo viên cần lưu ý các yêu cầu dưới đây:

Hoạt động kiểm tra đánh giá được tiến hành nhằm cung cấp thông tin phản hồi về năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà học sinh đạt được trong quá

trình học tập để giáo viên đánh giá sự tiến bộ của học sinh, động viên, hướng dẫn học sinh và làm cơ sở cho những điều chỉnh định hướng về phương pháp, học liệu và kế hoạch học tập.

Việc kiểm tra đánh giá được tiến hành thường xuyên để giúp nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình dạy học. Đối với học sinh đầu cấp Tiểu học, hoạt động kiểm tra đánh giá tập trung vào việc xây dựng sự tự tin vào khả năng học tiếng Anh cho học sinh. Nội dung kiểm tra đánh giá phải bám sát mục tiêu và yêu cầu cần đạt trong Chương trình. Các hoạt động kiểm tra đánh giá tập trung vào năng lực giao tiếp của học sinh, đặc biệt ưu tiên kỹ năng nghe hiểu.

Giáo viên là người chịu trách nhiệm chính thực hiện các hoạt động kiểm tra đánh giá, giúp chỉ ra được những điểm người học đã làm được và chưa làm được, viết nhận xét chi tiết, cụ thể khi cần thiết và có biện pháp giúp đỡ kịp thời. Các hoạt động đánh giá được thực hiện một cách thân thiện, nhẹ nhàng ngay trong quá trình học tập.

Việc tổng hợp kết quả kiểm tra đánh giá thường xuyên và sử dụng kết quả đánh giá được thực hiện theo quy định hiện hành về kiểm tra đánh giá ở Tiểu học.

7.2. Đối với lớp 3-5

7.2.1. Căn cứ xác định mục tiêu, nội dung và cách thức đánh giá

Những căn cứ để xác định mục tiêu, nội dung và cách thức đánh giá của Chương trình môn Tiếng Anh là:

- Các Nghị quyết về đổi mới giáo dục của Đảng, Nhà nước và Quốc hội. Yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD&ĐT, trong đó có đổi mới về kiểm tra, đánh giá đã được nêu trong các Nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Quốc hội. Cụ thể là Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Trong các văn kiện quan trọng vừa nêu, yêu cầu đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh đều được đặt ra. Chẳng hạn, Nghị quyết

29 của Trung ương khẳng định: “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan.

- Định hướng đổi mới đánh giá được nêu trong CT GDPT 2018 tổng thể (trang 32, CT GDPT 2018 tổng thể).

- Yêu cầu và đặc điểm của môn Tiếng Anh. Việc đánh giá kết quả học tập cần bám sát các yêu cầu về đổi mới kiểm tra, đánh giá nêu trên nhưng cần phù hợp với đặc thù môn học Tiếng Anh. Đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Anh cần xuất phát từ yêu cầu đối với năng lực đặc thù của môn học này là năng lực giao tiếp tiếng Anh. Việc đánh giá năng lực giao tiếp tiếng Anh của học sinh cần bám sát yêu cầu về bậc năng lực ngoại ngữ tương ứng qui định cho từng cấp học. Cụ thể là, kết thúc TH, THCS, THPT, học sinh phải đạt được trình độ về năng lực ngoại ngữ lần lượt là Bậc 1, Bậc 2, Bậc 3 theo mô tả trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Xu thế về đánh giá kết quả học tập của các nước trên thế giới và trong khu vực. Do yêu cầu hội nhập quốc tế và nhu cầu của thị trường lao động hiện đại, việc đánh giá kết quả học tập của các nước đang dần xích lại gần nhau. Nhiều tổ chức đánh giá quốc gia, quốc tế ra đời (PISA, TIMS, PIRLS, ...). Cần vận dụng vào nhà trường Việt Nam những thành tựu của các nghiên cứu về đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông với xu thế chung là (i) hướng tới đánh giá năng lực người học, (ii) hướng tới đánh giá quá trình, chuyển từ chủ yếu đánh giá kết quả học tập cuối môn học, khoá học (đánh giá tổng kết) nhằm mục đích xếp hạng, phân loại sử dụng các loại hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì sau từng chủ đề, từng chương nhằm mục đích phản hồi điều chỉnh quá trình dạy học; (iii) chuyển đánh giá từ một hoạt động gần như độc lập với quá trình dạy học sang việc tích hợp đánh giá vào quá trình dạy học, (iv) tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá: sử dụng các phần mềm thăm định các đặc tính đo lường của công cụ và sử dụng các mô hình thống kê vào xử lý phân tích, lí giải kết quả đánh giá.

7.2.2. Định hướng chung

Kiểm tra, đánh giá là yếu tố quan trọng trong quá trình dạy học và nhằm mục đích cung cấp thông tin phản hồi về năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà học sinh đạt được trong quá trình cũng như tại thời điểm kết thúc một giai đoạn

học tập. Điều này giúp: (i) giáo viên điều chỉnh hoạt động dạy học và có những hướng dẫn kịp thời cho học sinh để học sinh đạt được những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực mà chương trình đã đề ra; (ii) giúp học sinh tự đánh giá những tiến bộ trong quá trình học của bản thân, từ đó kiểm soát, tự điều chỉnh các hoạt động học tập; (iii) giúp nhà quản lý hiểu rõ chất lượng dạy học của nhà trường và có những biện pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời.

Nguyên tắc cơ bản của việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh là phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc cấp học, cụ thể, ở cấp Tiểu học là Bậc 1, ở cấp THCS là Bậc 2, ở cấp THPT là Bậc 3 của Khung NLNN 6 bậc dùng cho VN.

Nội dung đánh giá kết quả giáo dục môn Tiếng Anh được thực hiện thông qua đánh giá năng lực giao tiếp tiếng Anh của học sinh thể hiện qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết sau mỗi giai đoạn học tập.

Hoạt động kiểm tra, đánh giá cần được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp. Trong quá trình dạy học, cần chú ý ưu tiên đánh giá thường xuyên nhằm giúp học sinh và giáo viên theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình. Việc đánh giá định kỳ được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu cần đạt đã được quy định cho mỗi cấp lớp. Việc đánh giá cuối cấp học phải dựa vào yêu cầu các bậc về năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Việc đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như định lượng, định tính và kết hợp giữa định lượng và định tính trong cả quá trình học tập, kết hợp đánh giá của giáo viên, đánh giá lẫn nhau của học sinh và tự đánh giá của học sinh. Các loại hình đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (hội thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và các hình thức đánh giá khác.

7.3. Mục đích và nguyên tắc đánh giá

7.3.1. Mục đích đánh giá

Mục đích đánh giá cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, xác định được thành tích học tập, rèn luyện theo mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, cụ thể như sau:

1. Giúp giáo viên điều chỉnh, đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp giáo dục trong quá trình dạy học, giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh nhằm động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học.

2. Giúp học sinh có khả năng tự nhận xét, tham gia nhận xét; tự học, tự điều chỉnh cách học; giao tiếp, hợp tác; có hứng thú học tập và rèn luyện để tiến bộ.

3. Giúp cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ học sinh) tham gia đánh giá quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, quá trình hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động giáo dục học sinh.

4. Giúp cán bộ quản lý giáo dục các cấp kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

5. Giúp các tổ chức xã hội nắm thông tin chính xác, khách quan, phát huy nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển giáo dục.

(Thông tư 27/2020/BGDĐT)

Tùy theo mục đích cụ thể sẽ có các hình thức đánh giá khác nhau được thực hiện trong trường học. Bảng dưới đây tóm tắt mục đích đánh giá ứng với các loại hình đánh giá ở ở Lớp 3-5, cấp tiểu học.

7.3.2. Nguyên tắc đánh giá

Hoạt động đánh giá cần được thực hiện sao cho đảm bảo:

- chân thực, liên tục, đa chiều, đa dạng và cân đối;
- tính đến các nhu cầu đa dạng của người học và bối cảnh, và do đó sử dụng các chiến lược đánh giá khác nhau;

- là một phần không thể thiếu của quá trình dạy và học, và sẽ giúp giáo viên đánh giá việc dạy và học;
- chính xác, khách quan, hợp lệ, công bằng, dễ quản lý về thời gian;
- dựa trên việc thu thập minh chứng học tập của học sinh dưới nhiều hình thức đa dạng;
- không có thành kiến và nhạy cảm với giới tính, chủng tộc, nền tảng văn hóa và khả năng;
- được tham chiếu đến các mục tiêu học tập hay chuẩn đánh giá liệt kê trong Chương trình GDPT môn tiếng Anh;
- minh bạch để người học và giáo viên hiểu rõ ràng về những mong đợi đối với bất kỳ nhiệm vụ đánh giá nào.

7.4. ĐGTX lồng ghép trong quá trình dạy học

ĐGTX là một thành tố không thể thiếu trong mỗi đơn vị bài học, được lồng ghép khăng khít với việc dạy và học. Phương pháp đánh giá lồng ghép trong quá trình dạy học đòi hỏi phải thiết kế nội dung học tập và đánh giá dựa trên mục tiêu học tập (hay các tiêu chí nhỏ của CDG). ĐGTX là một hình thức phù hợp để theo dõi việc học sinh đạt được các mục tiêu học tập trong một quá trình.

ĐGTX được lồng ghép trong quá trình dạy học theo các nguyên tắc sau:

- Xác định mục tiêu học tập/CDG: Với nguyên tắc này, giáo viên nên xác định các mục tiêu học tập liên quan đến các chuẩn đánh giá đã được liệt kê cho khối lớp mình dạy, xác định các kỹ năng, kiến thức, năng lực chung và phẩm chất cần được đánh giá và chọn một cách thức đánh giá thích hợp.

- Thông báo đến học sinh mục tiêu học tập: Với nguyên tắc này, giáo viên nên chia sẻ với học sinh các tiêu chí dùng để đánh giá trong một hoạt động cụ thể và bằng chứng về việc học mà học sinh cần thể hiện ra.

- Đặt kỳ vọng cao hơn một chút so với năng lực hiện tại của học sinh: Với nguyên tắc này giáo viên nên hỗ trợ và tạo điều kiện cho người học phát huy hết tiềm năng của mình, theo dõi sự phát triển, sự tiến bộ học tập dựa trên thành tích trước đó của chính mình, chứ không nên so sánh với thành tích của những bạn học khác.

- Mở rộng các hoạt động đánh giá: Với nguyên tắc này giáo viên nên tìm nhiều cách để người học tiếp cận với các cơ hội giúp họ thể hiện hết tiềm năng

của mình, mong muốn tất cả những người học đều thành công, nhưng không nhất thiết phải cùng một lúc và theo cùng một cách, tôi đa hóa cơ hội cho mọi người học bằng cách thách thức họ đạt được và cải thiện với tư cách cá nhân, nhưng không cạnh tranh với những người học khác, sử dụng các phương pháp dạy học và quản lý học không mang tính cạnh tranh trong đó tính đến phong cách học tập khác nhau và đa trí thông minh ở học sinh; cho phép đa dạng hóa hoạt động dạy-học-đánh giá theo những cách khác nhau.

Đặc điểm của việc đánh giá lồng ghép trong quá trình dạy học là đánh giá không có nghĩa là thêm một hoạt động đánh giá sau một hoạt động dạy học (đánh giá nên được xem như một phần không thể thiếu của mỗi bài học, hoạt động đánh giá phải được thể hiện trong giáo án/ lịch trình môn học), đánh giá có tính tương tác, dân chủ và văn minh (nên được bổ sung kết hợp với học sinh tự đánh giá, học sinh đánh giá cho nhau và đánh giá theo nhóm; giáo viên phải thông báo cho học sinh về mục tiêu cần đạt ở mỗi hoạt động trước khi được đánh giá). Việc đánh giá phải được thực hiện liên tục. Đánh giá liên tục cho phép giáo viên đánh giá thành tích của học sinh một cách chính thức và không chính thức trong suốt cả năm, điều này cho phép đánh giá hình thành, can thiệp thường xuyên và hỗ trợ nếu cần. Đánh giá liên tục sử dụng một loạt các phương pháp đánh giá khác nhau phù hợp đặc điểm và phong cách học tập khác nhau của người học. Giáo viên cần cung cấp cho người học thông tin phản hồi thường xuyên về sự tiến bộ trong học tập. Phản hồi liên tục giúp học sinh biết được điểm mạnh và điểm yếu của họ. Bên cạnh đó, học sinh nên được mở rộng cơ hội để cải thiện việc học của mình.

Đối với việc ĐGTX được phản ánh trong giáo án, giáo án cần nêu chi tiết về nhiệm vụ đánh giá, hình thức và phương pháp đánh giá. Trong một giáo án, giáo viên nên:

- cho biết cách thức đánh giá kết quả học tập;
- xem xét mức độ mà kết quả học tập sẽ được đánh giá bằng các chuẩn đánh giá;
- cũng cần xem xét bối cảnh, sự sẵn có của các nguồn lực và nhu cầu đa dạng của người học;

- đưa ra mô tả chi tiết về các chiến lược đánh giá khác nhau hoặc các hình thức đánh giá khác nhau, và cách những chiến lược này sẽ được tích hợp với việc dạy và học.

7.5. Đánh giá và đặc điểm lứa tuổi học sinh tiểu học

Giáo viên cần lưu ý đến đặc điểm, phong cách học tập của học sinh ở lứa tuổi tiểu học để có thể thiết kế được các hoạt động đánh giá thân thiện, phù hợp lứa tuổi.

i) Đặc điểm học tập qua các giác quan: Học sinh tiểu học có phong cách học tập khác nhau:

- Một số học sinh học một cách “trực quan” - có thể đánh giá qua tranh ảnh, hình ảnh, minh họa, biểu đồ.

- Một số học sinh học bằng cách nghe – có thể đánh giá qua hoạt động nghe, nghe và chỉ, nghe và trả lời ngắn.

- Một số học sinh học bằng cách vận động, hay va chạm vật lý, thích trải nghiệm thực hành, thích làm đồ vật và thích các hoạt động thể chất – có thể đánh giá thông qua trò chơi vận động, qua hoạt động thủ công, nhảy múa, ...

ii) Không tập trung được lâu: Học sinh càng nhỏ tuổi, thời gian tập trung càng ngắn. Do đó, việc đánh giá nên được thực hiện nhiều lần, mỗi lần thực hiện trong một khoảng thời gian ngắn và thường xuyên để có thể thu thập đầy đủ thông tin hơn về sự tiến bộ cũng như về thành tích của người học.

iii) Hứng thú: Học sinh thường có sở thích mạnh mẽ. Học sinh sẽ có động lực hơn để làm việc ở những việc mà các em thích, hoặc hứng thú. Do đó, việc đánh giá nên được thực hiện một cách vui vẻ, hấp dẫn.

iv) Vừa sức: Học sinh chỉ thích thực hiện (và làm việc tích cực hơn ở) những nhiệm vụ mà các em nghĩ các em có thể thực hiện được và có thể thành công. Do đó, việc đánh giá cần phải vừa sức và đảm bảo học sinh có thể thành công. Không nên đánh đố.

v) Rào cản: Cần tính đến các rào cản có thể ngăn cản học sinh đạt được hiệu quả tốt nhất trong các hoạt động đánh giá. Đây có thể là những rào cản mang tính “ngữ cảnh”, “hệ thống”, “cá nhân” và “ nghiệp vụ sư phạm của giáo viên”.

vi) Môi trường học tập: Một môi trường dạy và học và đánh giá mang tính động viên khích lệ sẽ tác động tích cực đến kết quả học tập của người học.

Cần tạo ra môi trường mà mỗi học sinh được nuôi dưỡng và chăm sóc, với những quy tắc đơn giản để đảm bảo rằng các em có thể yên tâm khám phá tiềm năng của bản thân mà không sợ hãi hoặc thiếu hiểu biết.

7.6. Đánh giá năng lực trong dạy học tiếng Anh

Năng lực là khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập đạt tới một chuẩn được yêu cầu nào đó, năng lực gắn với sản phẩm đầu ra và khả năng khái quát hóa. Theo đó, năng lực là khả năng sử dụng và lựa chọn kiến thức, kỹ năng, thái độ, v.v trong việc thực hiện một nhiệm vụ học tập tới một chuẩn được yêu cầu nào đó, gắn với năng lực cụ thể. Nói một cách ngắn gọn, năng lực là những gì học sinh có thể thực hiện, gắn với sản phẩm đầu ra nhưng theo hướng hành vi và cụ thể hóa.

Đánh giá năng lực là đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng đã được học vào giải quyết vấn đề trong học tập hoặc trong thực tiễn cuộc sống của HS và kết quả đánh giá người học phụ thuộc vào độ khó của nhiệm vụ và bài tập đã hoàn thành theo các mức độ khác nhau. Trong dạy học tiếng Anh, do vậy, đánh giá năng lực là đánh giá khả năng HS vận dụng kiến thức về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và kỹ năng nghe, nói, đọc, viết vào giải quyết các vấn đề đặt ra trong học tập hoặc trong thực tiễn sử dụng tiếng Anh của HS.

Đánh giá năng lực là đánh giá dựa trên việc miêu tả các sản phẩm đầu ra cụ thể, rõ ràng tới mức giáo viên, học sinh và các bên liên quan đều có thể hình dung tương đối khách quan và chính xác về thành quả của học sinh sau quá trình học tập. Đánh giá năng lực cũng cho phép nhìn ra tiến bộ của học sinh dựa trên mức độ thực hiện đạt/không đạt các sản phẩm (Wolf, 2001).

Có hai cách thực hiện đánh giá năng lực là đánh giá theo chuẩn, tiêu chí và đánh giá theo sản phẩm đầu ra. Đánh giá theo tiêu chuẩn là đánh giá trình độ của học sinh so với các tiêu chuẩn về thực hiện việc học tập, mức độ thành quả cao hay thấp được mong chờ từ học sinh, dựa vào tiêu chí và tiêu chuẩn đánh giá. Đánh giá theo chuẩn đầu ra là đánh giá xuất phát từ đường hướng giáo dục theo sản phẩm đầu ra, kết quả đầu ra của quá trình giáo dục được xác định trước, sau đó chương trình giảng dạy, sách giáo khoa được thiết kế sau để phù hợp với các kết quả đầu ra mong muốn đã xác định, thể hiện rõ trong đường hướng xây dựng CT GDPT 2018 tổng thể và các chương trình môn học trong đó có môn Tiếng Anh. Cụ thể hóa, đánh giá năng lực trong dạy học tiếng Anh là

đánh giá theo sản phẩm đầu ra nhưng sản phẩm đó không phải là kiến thức, kỹ năng, mà là năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng, thái độ, v.v của học sinh trong thực hiện các nhiệm vụ học tập.

Khi triển khai đánh giá năng lực cần lưu ý những nội dung sau:

(i) Mục tiêu đánh giá phải rõ ràng và hợp lý với hoàn cảnh nhưng đánh giá không chỉ là khâu cuối cùng của quá trình giáo dục;

(ii) Hình thức đánh giá cần đa dạng từ chuẩn đoán, kiểm tra kiến thức cũ đến các hình thức đánh giá thường xuyên, xuyên suốt trong quá trình dạy học và đánh giá tổng quát.

7.7. Mục tiêu đánh giá

Mục tiêu đánh giá là một phần của mục tiêu dạy học và thường liên quan trực tiếp đến mục tiêu dạy học, đại diện cho những mục tiêu dạy học quan trọng nhất. Các mục tiêu này tương ứng với các mục tiêu dạy học, bao phủ các mục tiêu dạy học chính. Ngoài ra, việc lựa chọn mục tiêu đánh giá còn tùy thuộc vào bối cảnh giảng dạy khác nhau, tùy thuộc vào đối tượng học sinh và ưu tiên của giảng viên, giáo viên, ưu tiên của trường và những vấn đề thực tế khác cho nên việc lựa chọn mục tiêu đánh giá mang tính địa phương hóa rất cao, có thể mục tiêu đánh giá của một tỉnh này thì khác với mục tiêu đánh giá của tỉnh khác. Vì vậy thường xuyên phải tham chiếu các hướng dẫn đánh giá của Bộ GDĐT, Sở GDĐT, Phòng GDĐT khi xây dựng, điều chỉnh mục tiêu đánh giá.

Mục tiêu đánh giá tốt giúp xây dựng kế hoạch đánh giá, ma trận bài kiểm tra/đánh giá, thiết kế được bảng đặc tả và quy trình đánh giá, v.v. Trong quá trình thực hiện, sau khi thực hiện quá trình đánh giá, cần đánh giá lại các mục tiêu đánh giá đã xây dựng để biết những mục tiêu đánh giá đề ra ban đầu đã được thực hiện phù hợp hay chưa. Như vậy, cần thiết phải có mục tiêu đánh giá, đây chính là phần quan trọng nhất của một quá trình kiểm tra đánh giá.

Mục tiêu đánh giá thường được mô tả theo ba phần: mức độ thực hiện của HS, kỹ năng và kiến thức cần kiểm tra/đánh giá, điều kiện thực hiện. Ví dụ: Học sinh có thể xác định ý chính của bài nói khi người nói nói với tốc độ vừa phải và nói rõ các âm tiết của từ.

Để xây dựng mục tiêu đánh giá, giáo viên tham khảo hướng dẫn của Bộ GDĐT theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc hướng

dẫn xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường. Theo đó, việc xây dựng các ma trận, đặc tả kỹ thuật bài kiểm tra, đánh giá định kỳ được xây dựng theo 4 mức đánh giá gồm nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao. Đây là chính là 4 mức trong 6 mức độ mô tả tại Khung tư duy của Bloom.

7.8. Một số phương thức đánh giá năng lực cho học sinh tiểu học

Một số phương pháp đánh giá thường được sử dụng trong quá trình đánh giá học sinh gồm:

i) Phương pháp quan sát: Giáo viên theo dõi, lắng nghe học sinh trong quá trình giảng dạy trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật ký ghi chép lại các biểu hiện của học sinh để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học sinh.

ii) Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của học sinh: Giáo viên đưa ra các nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của học sinh, từ đó đánh giá học sinh theo từng nội dung đánh giá có liên quan.

iii) Phương pháp vấn đáp: Giáo viên trao đổi với học sinh thông qua việc hỏi-đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời.

iv) Phương pháp kiểm tra viết: Giáo viên sử dụng các bài kiểm tra gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của chương trình, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

(Thông tư 27/2020/BGDĐT)

Trong các phương pháp nêu trên, có hai phương pháp tương đối ít được sử dụng. Đó là phương pháp đánh giá qua quan sát và qua hồ sơ học tập.

Phương pháp quan sát là nhóm phương pháp chủ yếu giáo viên thường sử dụng để thu thập dữ liệu trong đánh giá thường xuyên. Quan sát đề cập đến việc theo dõi hoặc lắng nghe học sinh thực hiện các hoạt động (quan sát quá trình) hoặc nhận xét một sản phẩm do học sinh làm ra (quan sát sản phẩm). Trong thời gian quan sát, giáo viên phải quan tâm đến những hành vi của học sinh như phát âm từ trong môn tập đọc, quan hệ tương tác giữa các học sinh trong nhóm, nói chuyện riêng trong lớp, bắt nạt các học sinh khác, mất tập trung, mặt có vẻ lúng túng, không kiên nhẫn chờ đến lượt mình, không giơ tay

phát biểu trong giờ học, v.v. Khi học sinh nộp bài tập sưu tầm trên mạng, ví dụ: vẽ một bức tranh tĩnh vật, tạo ra một sản phẩm thủ công, hoặc hoàn thành kế hoạch trong lớp, giáo viên sẽ quan sát và cho ý kiến về các sản phẩm của học sinh.

Một số quan sát được tiến hành chính thức và định trước, như trong trường hợp giáo viên đánh giá học sinh khi các em đọc bài trong nhóm tập đọc hoặc trình bày bài tập trước lớp. Trong những tình huống như thế, giáo viên có thể quan sát một tập hợp các hành vi ứng xử của học sinh. Ví dụ, khi học sinh đọc bài trước lớp, giáo viên có thể theo dõi và lắng nghe xem học sinh phát âm từ vựng có rõ ràng không, có lên xuống giọng để nhấn mạnh các điểm quan trọng không, có thường xuyên ngược lên nhìn trong khi đọc hay không, có thể hiện sự tự tin, hiểu sâu bài hay không... Bởi vì những quan sát như thế đã được định sẵn nên giáo viên có thời gian để chuẩn bị cho học sinh và xác định trước từng hành vi cụ thể sẽ được quan sát.

Các quan sát khác của giáo viên lại không được định sẵn và không chính thức, như khi giáo viên thấy hai học sinh nói chuyện thay vì thảo luận bài học, nhận thấy một em học sinh có biểu hiện bị tổn thương khi bị bạn cùng lớp trêu chọc về quần áo của mình, hoặc nhìn thấy một học sinh bồn chồn, ngồi không yên và luôn nhìn ra cửa sổ trong suốt giờ khoa học... Những quan sát tự phát như thế, dựa trên những bất gặp bất chợt khi “quan sát trẻ em”, phản ánh những chuyện xảy ra thoáng qua không định sẵn mà giáo viên ghi nhận được và phải suy nghĩ diễn giải. Các quan sát chính thức và không chính thức của giáo viên đều là những kỹ thuật thu thập thông tin quan trọng trong lớp học. Thông thường trong quan sát, giáo viên có thể sử dụng ba loại công cụ để thu thập thông tin. Đó là: Ghi chép các sự kiện thường nhật, Thang đo và Bảng kiểm tra (bảng kiểm).

Hàng ngày giáo viên làm việc với học sinh, quan sát học sinh và ghi nhận được rất nhiều thông tin về hoạt động học tập của học sinh. Ví dụ học sinh A luôn thiếu tập trung chú ý và hay nhìn ra cửa sổ. Học sinh B luôn làm xong nhiệm vụ của mình sớm và giúp đỡ các bạn khác trong giờ thực hành... Những sự kiện lặt vặt hàng ngày như vậy có ý nghĩa quan trọng trong đánh giá. Nó giúp cho giáo viên dự đoán khả năng và cách ứng xử của học sinh trong những tình

huông khác nhau hoặc giải thích cho kết quả thu được từ những bài kiểm tra viết của học sinh.

Tuy nhiên những ấn tượng mà giáo viên có được thông qua quan sát thường mang màu sắc chủ quan, vì vậy cần phải có một cách ghi chép khoa học, có hệ thống trong khi quan sát. Cách tốt nhất là sử dụng sổ ghi chép những sự kiện thường nhật.

Ghi chép những sự kiện thường nhật là việc mô tả lại những sự kiện hay những tình tiết đáng chú ý mà giáo viên nhận thấy trong quá trình tiếp xúc với học sinh. Những sự kiện cần được ghi chép lại ngay sau khi nó xảy ra. Mỗi học sinh cần được dành cho một vài tờ trong sổ ghi chép. Cần ghi tách biệt phần mô tả sự kiện với phần nhận xét về sự kiện của giáo viên. Sau một vài sự kiện, giáo viên có thể ghi chú những cách giải quyết để cải thiện tình hình học tập của học sinh hoặc điều chỉnh những sai lầm mà học sinh mắc phải.

Ví dụ: Quan sát giờ thực hành nghe nói

1. Chuẩn bị

- Mục đích quan sát
- Mục tiêu tiết học:
- Mục đích quan sát trong tiết học:
- Cách thức thu thập thông tin
- Những trọng điểm quan sát:
 - + Kiến thức:
 - + Kỹ năng:
 - + Động cơ, thái độ của học sinh:
- Thang đánh giá những trọng điểm trên:
- Phương tiện kỹ thuật cần sử dụng: máy ảnh, ghi âm, camera,...

2. Quan sát, ghi biên bản

- Đối tượng quan sát:
 - Quan sát hoạt động tương tác của cả lớp
 - Quan sát sâu hơn, kỹ hơn ở những học sinh nào
- Nội dung quan sát: tập trung vào những kỹ năng chủ yếu nào
- Ghi, chép những câu trả lời quan trọng, những thao tác thực hành của học sinh
- Những kết quả thu được:

3. Đánh giá

- Đánh giá chung tiết học (đối chiếu với mục tiêu tiết học)
- Đánh giá theo danh mục những trọng điểm quan sát và thang bậc

đã soạn

- Đối chiếu thành công, thất bại và phân tích nguyên nhân.

Nếu trong mỗi bước được phân tách thành các bước nhỏ hơn thì các công việc cần thực hiện khi đánh giá qua quan sát là:

- Xác định mục tiêu, đối tượng, nội dung, phạm vi cần quan sát. Xây dựng một chương trình làm việc chi tiết, kể cả việc thiết lập sơ đồ của lớp học.

- Đưa ra các tiêu chí/chỉ báo khi quan sát cho từng nội dung quan sát có thể

- Thiết lập bảng kiểm, phiếu quan sát.

- Ghi chú những thông tin chính vào phiếu quan sát/bảng kiểm của mình.

- Quan sát cách bố trí của lớp học, khung cảnh lớp học, cơ sở vật chất, tiện nghi phục vụ cho người học; quan sát lớp học hoặc một buổi seminar đang diễn ra; quan sát về sự tương tác giữa mọi người với nhau; văn hoá và cơ chế nâng cao chất lượng hiện hữu của lớp học...

- Giữa các cuộc phỏng vấn, bố trí thời gian để ghi lại những quan sát của mình. Phải nhất quán về cách thức tiến hành quan sát.

- Ghi chép đầy đủ những gì quan sát được vào phiếu quan sát/ bảng kiểm.

Trong khi thu thập thông tin, cần ghi nhận các quan sát và những ghi chú đặc biệt.

- Tóm lược các quan sát thu được đối chiếu với các nguồn dữ liệu khác (tư liệu, phỏng vấn,...), nhằm nâng cao độ tin cậy của những kết luận đồng thời có thể phát hiện ra một số câu hỏi mới cần được làm rõ thông qua những quan sát và các cuộc phỏng vấn tiếp theo. Ghi chú về những quan sát sẽ rất quan trọng cho việc vẽ nên một bức tranh sống động về lớp học.

Phương pháp đánh giá qua hồ sơ là sự theo dõi, trao đổi, ghi chép được của chính học sinh những gì chúng nói, hỏi, làm, cũng như thái độ, ý thức của học sinh với quá trình tập của mình cũng như đối với mọi người... (qua ghi chép, qua ảnh chụp, qua các bài tập của học sinh) nhằm làm cho học sinh thấy được những tiến bộ rõ rệt của chính mình cũng như giáo viên thấy được khả

năng của từng học sinh để từ đó giáo viên có thể đưa ra hoặc điều chỉnh nội dung, phương pháp... dạy học/giáo dục cho thích hợp.

Đánh giá qua hồ sơ cho phép giáo viên đánh giá các kỹ năng của người học thông qua các hành vi hoặc các sản phẩm của chúng; đồng thời cho phép học sinh nâng cao năng lực tự đánh giá để thấy rõ mặt mạnh và mặt yếu của mình trong quá trình hoạt động và làm cho người học có ý thức trách nhiệm đối với việc học tập. Ví dụ, nếu giáo viên muốn đánh giá sự tiến bộ của học sinh qua kỹ năng “Viết”, học sinh sẽ được yêu cầu viết về một số nội dung nào đó và tự đưa ra những nhận xét của mình qua các bài viết này.

7.9. Ghi chép và tổng hợp báo cáo về kết quả giáo dục

Việc lưu giữ và tổng hợp kết quả đánh giá cần được thực hiện đều đặn theo các hoạt động đánh giá trong suốt quá trình học tập của học sinh. Căn cứ vào quá trình đánh giá thường xuyên và các mức đạt được từ đánh giá định kỳ về môn tiếng Anh, hoạt động giáo dục để tổng hợp và ghi kết quả đánh giá giáo dục của từng học sinh vào Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp. Giáo viên cần lưu trữ một cách hệ thống các kế hoạch đánh giá và hồ sơ đánh giá của giáo viên cũng như bằng chứng về kết quả hoạt động học tập của học sinh.

Các minh chứng đánh giá cần lưu giữ bằng chứng về người học có thể bao gồm sách bài tập trên lớp, hồ sơ học tập, dự án, bài kiểm tra v.v. Đối với các mục như bài minh họa thực tế, hoặc thuyết trình và mô hình, điều quan trọng là giáo viên phải ghi nhận xét vào sổ quan sát hoặc phiếu đánh giá. Việc thu thập bằng chứng này, cùng với các công cụ đánh giá khác như danh sách kiểm tra, phiếu quan sát, bảng kiểm, v.v., sẽ cho phép giáo viên theo dõi và báo cáo một cách có hệ thống cho các bên liên quan về sự tiến bộ và thành tích của người học trong suốt cả năm. Các bên liên quan (Đội ngũ quản lý nhà trường, phụ huynh, người giám hộ, Dịch vụ hỗ trợ giáo dục) phải tiếp cận được việc thu thập bằng chứng học tập của người học.

Hồ sơ của giáo viên về sự tiến bộ của người học phải được lưu giữ dưới dạng điện tử (trên máy vi tính) hoặc theo hình thức khác mà nhà trường đã quy định. Các bản ghi này phải có các thông tin sau:

- Chương trình học tập

- Lớp
- Tên học sinh
- Ngày thực hiện nhiệm vụ đánh giá
- Hình thức đánh giá và mô tả ngắn gọn về nhiệm vụ đánh giá
- Tổng hợp kết quả đánh giá của học sinh
- Đưa ra nhận xét, phản hồi về kết quả đánh giá cho HS, PHHS (khi cần và khi có quy định).

Tổng hợp kết quả đánh giá học sinh được thực hiện vào cuối mỗi học kỳ hoặc cuối mỗi năm học, được đưa ra như một đánh giá tổng thể về thành tích của HS trong quá trình học tập cụ thể đó. Tham chiếu Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học để thực hiện tổng hợp kết quả đánh giá HS.

Ví dụ: Phiếu theo dõi các hoạt động DGTX chính thức trong một kỳ

TERM 1

LEARNERS' NAMES	TASK 1	TASK 2	TASK 3	TASK 4	FINAL RATING	COMMENTS
	Oral language skills (Listening and Speaking)	Word Recognition and Vocabulary skills (phonics, sight words, spelling)	Reading Skills (Word Recognition, Comprehension and fluency)	Written Language Skills (Writing a text, Sentence construction, handwriting)		
	Date	Date	Date	Date		
N.V.A.	HT	CHT	CHT	CHT	CHT	Has learnt to speak in sentences. Needs more help with phonics, reading and sentence construction.
T.M.H	HTT	CHT	HT	HT	HT	Need more help with word recognition skills and

						sentence construction.
P.G.M	HT	HT	HTT	HTT	HTT	Improved in reading and writing skills.

**Ghi chú: Giáo viên có thể sử dụng phiếu bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.*

- Hoàn thành xuất sắc (HTXS): Những học sinh có kết quả đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục đạt mức Hoàn thành tốt; các phẩm chất, năng lực đạt mức Tốt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học của các môn học đạt 9 điểm trở lên;

- Hoàn thành tốt (HTT): Những học sinh chưa đạt mức Hoàn thành xuất sắc, nhưng có kết quả đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục đạt mức Hoàn thành tốt; các phẩm chất, năng lực đạt mức Tốt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học đạt 7 điểm trở lên;

- Hoàn thành (HT): Những học sinh chưa đạt mức Hoàn thành xuất sắc và Hoàn thành tốt, nhưng có kết quả đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục đạt mức Hoàn thành tốt hoặc Hoàn thành; các phẩm chất, năng lực đạt mức Tốt hoặc Đạt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học đạt 5 điểm trở lên;

- Chưa hoàn thành (CHT): Những học sinh không thuộc các đối tượng trên.

(Thông tư 27/2020/BGDĐT)

Ví dụ: Bảng kiểm các tiêu kỹ năng đọc hiểu truyện trong chương trình lớp 5

LEARNERS				Skills
A	B	C	D	
HT	HT	HTT	HTXS	Predicts from the title and the cover what the story is about.
HT	HT	HTT	HTXS	Interprets illustrations and makes meaning.
HT	HT	HTT	HTXS	Recalls main ideas.
HT	HT	HTT	HTXS	Recalls details.
HT	HT	HTT	HTXS	Able to sequence events.
HT	HT	HTT	HTXS	Draws conclusions from given

				facts.
--	--	--	--	--------

**Ghi chú: Giáo viên có thể sử dụng phiếu bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt.*

8. Xây dựng kế hoạch giáo dục môn Ngoại ngữ

Kế hoạch giáo dục nhà trường là kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành. Một trong các nội dung xương sống của Kế hoạch giáo dục nhà trường là Kế hoạch dạy học các môn học. Theo quy định của Bộ GDĐT, Kế hoạch dạy học các môn học sẽ do tổ chuyên môn của nhà trường xây dựng lên và hiệu trưởng là người duyệt. Vì vậy có thể khẳng định, trong việc thực hiện chương trình GDPT, đặc biệt là CTGDPT 2018 - đề cao tính linh hoạt của các cơ sở giáo dục khi thực hiện chương trình, tổ chuyên môn là đơn vị vô cùng quan trọng trong nhà trường, góp phần quyết định đến nội dung và cách thức triển khai các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường, thành phần cốt lõi của bất cứ Chương trình giáo dục nào.

8.1. Tổ chuyên môn ngoại ngữ cấp tiểu học

Điều 14, Điều lệ trường Tiểu học quy định: Tổ chuyên môn bao gồm giáo viên theo khối lớp hoặc môn học; nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị giáo dục, công nghệ thông tin, hỗ trợ giáo dục người khuyết tật, tham vấn học đường. Mỗi tổ có ít nhất 03 thành viên; tổ chuyên môn có tổ trưởng, nếu có từ 07 thành viên trở lên thì có tổ phó.

Do đặc thù môn học, tổ chuyên môn ngoại ngữ tại các trường tiểu học có những đặc điểm riêng. Với các trường học nằm ở các vùng có điều kiện kinh tế phát triển, số lượng giáo viên tiếng Anh khá đông, vượt quá số lượng 03 người, nên có thể thành lập các tổ ngoại ngữ bao gồm đầy đủ cơ cấu và sinh hoạt định kỳ 02 lần/tuần như quy định. Phần lớn các trường còn lại, số lượng giáo viên ngoại ngữ không đủ thành lập tổ ngoại ngữ thì giáo viên ngoại ngữ sinh hoạt cùng các giáo viên môn chuyên khác hoặc sinh hoạt cùng các giáo viên theo khối lớp, hoặc theo tổ ngoại ngữ liên trường (giáo viên dạy ngoại ngữ của các trường gần nhau tạo thành tổ chuyên môn.)

Trong triển khai chương trình GDPT 2018, tổ chuyên môn ngoại ngữ có hai vai trò: Vai trò tư vấn (chiến lược phát triển ngoại ngữ cho học sinh nhà

trường tầm nhìn ngắn hạn và dài hạn; nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ và giáo viên trong nhà trường; lựa chọn dạy-học ngoại ngữ nào trong trường, lựa chọn sách giáo khoa trong danh mục sách đã được Bộ GDĐT phê duyệt và sở GDĐT lựa chọn; thời lượng học phù hợp với điều kiện triển khai của nhà trường và nhu cầu của học sinh; các hình thức xã hội hóa theo quy định để hỗ trợ việc triển khai sâu rộng hơn) và Vai trò chuyên môn (xây dựng kế hoạch dạy học môn học ngoại ngữ; nghiên cứu xây dựng bài học theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; thực hiện tích hợp liên môn; phát triển mạnh văn hóa đọc trong dạy học ngoại ngữ; bồi dưỡng nâng cao chuyên môn.)

Tổ chuyên môn ngoại ngữ là một bộ phận cấu thành trong bộ máy tổ chức, quản lý của trường phổ thông. Trong trường, các tổ chuyên môn có mối quan hệ hợp tác với nhau, phối hợp các các bộ phận nghiệp vụ khác và các tổ chức Đảng, đoàn thể trong nhà trường nhằm thực hiện chiến lược phát triển của nhà trường, chương trình giáo dục và các hoạt động giáo dục khác hướng tới mục tiêu giáo dục.

Trên cơ sở các nhiệm vụ của tổ chuyên môn, với môn học Ngoại ngữ, tài liệu sẽ đi sâu vào một số hoạt động giáo dục cơ bản của tổ chuyên môn bao gồm hoạt động chính là Xây dựng kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn Ngoại ngữ.

8.2. Xây dựng Kế hoạch dạy học môn Ngoại ngữ của Tổ chuyên môn

8.2.1. Tổng quan về Kế hoạch dạy học môn học

Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục là kế hoạch thực hiện chương trình môn học, hoạt động giáo dục ở mỗi khối lớp đảm bảo hiệu quả theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục; phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh.

8.2.2. Nội dung của kế hoạch dạy học môn học

Nội dung chính của kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn bao gồm 5 nội dung:

(i) *Đặc điểm tình hình*

- Bối cảnh năm học (của quốc gia, của nhà trường, của tổ chuyên môn), thuận lợi và khó khăn, thời cơ và thách thức (tổ chuyên môn);

- Tình hình thực tế của tổ chuyên môn (thống kê kết quả về tình hình thực hiện kế hoạch năm học trước; những điểm mạnh, điểm yếu và thuận lợi, khó khăn cơ bản của tổ chuyên môn trong năm học mới.

(ii) Các mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu cơ bản tổ chuyên môn sẽ thực thi trong năm học

Phần này trả lời rõ 3 câu hỏi:

- Những mục tiêu nào tổ chuyên môn cần đạt được trong năm học này? (Đâu là mục tiêu ưu tiên?).

- Những nhiệm vụ trọng tâm tổ chuyên môn cần phải thực hiện năm học này là gì? (Đâu là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên?).

- Cần đưa ra những chỉ tiêu nào, xác định mức độ nào để đáp ứng yêu cầu của mục tiêu và phù hợp với từng nhiệm vụ? Chỉ tiêu phải được định lượng và biểu thị cụ thể bằng những con số, tỷ lệ % ...

Lưu ý: việc đề ra hệ thống mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu cần phải dựa trên căn cứ từ các cơ sở pháp lý nói trên và điều kiện thực tế của nhà trường để đảm bảo sự phù hợp với kế hoạch phát triển chung của nhà trường, của địa phương.

(iii) Các biện pháp thực hiện từng nhiệm vụ: bao gồm các loại biện pháp pháp lý – hành chính, biện pháp nhận thức tư tưởng, biện pháp tâm lý, biện pháp huy động và hỗ trợ nguồn lực/điều kiện, biện pháp kiểm tra, đánh giá...

Phần này trả lời 2 câu hỏi: cần có hành động cụ thể nào (làm gì?) và làm như thế nào, theo những cách nào để thực hiện các nhiệm vụ đã đề xuất?

(iv) Xác định lịch trình thực hiện và cách thức kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các nhiệm vụ, các hoạt động chính của tổ chuyên môn trong năm học

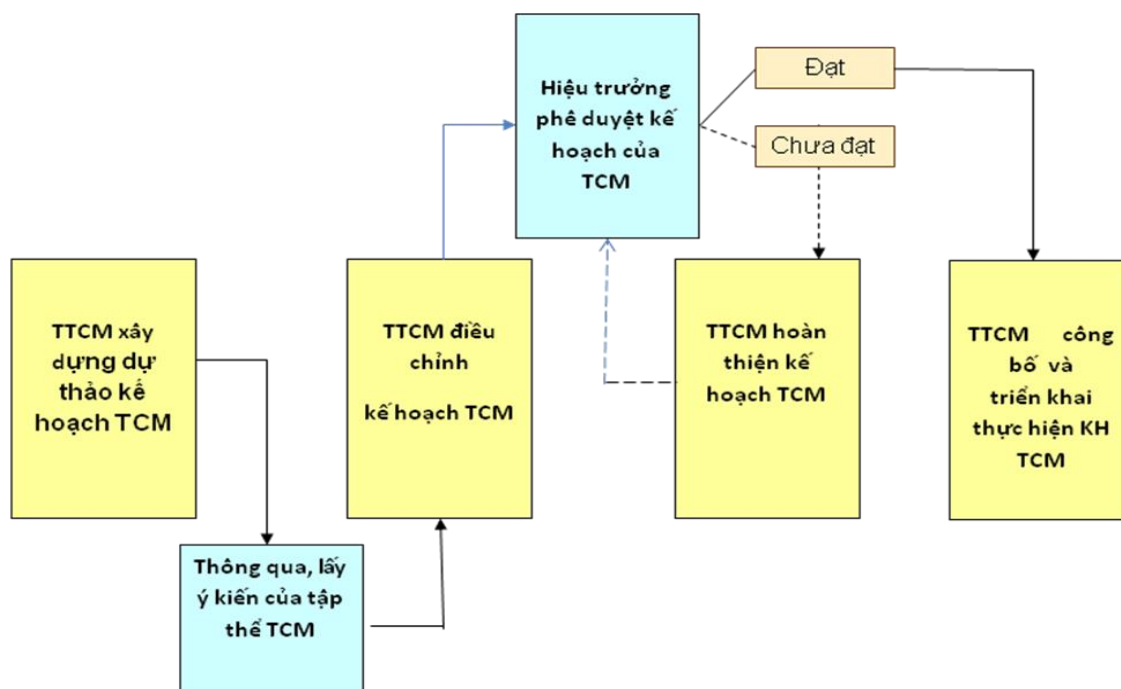
Phần này trả lời 2 câu hỏi: lộ trình/kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ/hoạt động chính trong năm học như thế nào và kiểm tra/ kiểm soát thực hiện kế hoạch thế nào?

(v) Những đề xuất của tổ chuyên môn

Căn cứ vào mục tiêu và nhiệm vụ đã xác định, đối chiếu với hoàn cảnh thực tế cụ thể của tổ, tổ chuyên môn đưa ra một số đề xuất đối với lãnh đạo nhà trường hoặc các đơn vị, cá nhân có liên quan đề tăng cường sự hỗ trợ hoặc kết hợp hành động...

Với những nội dung như trên, bản kế hoạch dạy học môn học trong năm học của tổ chuyên môn là kế hoạch hành động mang tính hướng đích của tập thể tổ chuyên môn trong năm học.

Sơ đồ quy trình xây dựng kế hoạch tổ chuyên môn:



8.3. Hoạt động phát triển chuyên môn cá nhân

8.3.1. Hoạt động theo kế hoạch của tổ chuyên môn

a) Tham dự SHCM tại tổ bộ môn với các vai trò khác nhau

- Vai trò Tổ trưởng chuyên môn:
- Vai trò Nhóm trưởng nhóm chuyên môn (ví dụ: trưởng khối 3, trưởng khối 4,...) hoặc báo cáo viên chuyên đề
- Vai trò giáo viên dạy mẫu/ giáo viên được dự giờ
- Vai trò giáo viên tham dự (Participant teacher):

b) Dự giờ đồng nghiệp và đánh giá giờ dạy (Observing lessons)

- Sử dụng Phiếu đánh giá giờ dạy;
- Phân công nội dung dự giờ;
- Luôn lấy học sinh làm trung tâm, tránh việc vô tình hoặc cố ý hướng nhận xét vào cá nhân giáo viên đứng lớp. Các nhận xét có thể đi kèm với gợi ý, chia sẻ để cải thiện và tăng cường chất lượng của bài dạy nói riêng và hoạt động giảng dạy nói chung.

8.3.2. Hoạt động cá nhân

a) Xây dựng và thực hiện Kế hoạch cá nhân

- Kế hoạch dạy học cá nhân: Được xây dựng dựa trên việc nghiên cứu và triển khai kế hoạch dạy học môn học của tổ bộ môn; nội dung quan trọng nhất trong Kế hoạch dạy học cá nhân là Kế hoạch bài dạy (hay còn gọi là kế hoạch dạy học theo bài dạy hoặc chủ đề học tập).

- Kế hoạch chuyên môn cá nhân: Bao gồm các hoạt động phát triển chuyên môn cá nhân và các hoạt động hỗ trợ đồng nghiệp.

Kế hoạch cá nhân của giáo viên cho năm học được xây dựng theo các bước:

(i) Phân tích tình hình (của cá nhân trong năm học: nhiệm vụ, thuận lợi, khó khăn...);

(ii) Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ cá nhân thực hiện trong năm học: nhiệm vụ nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống; nhiệm vụ phát triển chuyên môn nghiệp vụ; nhiệm vụ học tập, nhiệm vụ chủ nhiệm, các nhiệm vụ khác được giao...và xác định yêu cầu, chỉ tiêu thực hiện của mỗi nhiệm vụ;

(iii) Xác định các hoạt động trọng tâm cần ưu tiên thực hiện trong năm học;

(iv) Xác định các điều kiện cần có để cá nhân thực hiện nhiệm vụ;

(v) Xác định lịch trình các hoạt động chính của cá nhân trong năm học;

(iv) Đề xuất yêu cầu với Tổ chuyên môn và với BGH nhà trường

b) Soạn tài liệu dạy học tăng cường và điều chỉnh tài liệu giảng dạy

Giáo viên tìm hiểu một số công cụ hữu ích để soạn tài liệu dạy học tăng cường, hỗ trợ cho học sinh.

c) Tự học, tự nâng cao năng lực dạy học và năng lực ngoại ngữ

- Tự lên kế hoạch thực hiện các hoạt động chiêm nghiệm và nghiên cứu bài học như: ghi nhật ký giảng dạy, ghi âm/ ghi hình bài giảng và phân tích.

- Tự học tự nghiên cứu từ các khóa tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và các nguồn cho giáo viên tiếng Anh tiểu học.

d) Các hoạt động hỗ trợ chuyên môn đồng nghiệp

- Cùng soạn bài và phát triển tài liệu giảng dạy, tài liệu tăng cường, tài liệu hỗ trợ, học liệu...

- Chia sẻ nguồn học liệu;

- Chia sẻ các cơ hội tự học, tự phát triển chuyên môn;

- Kèm cặp, dự giờ, đánh giá giờ dạy (Mentoring);

- ...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tiếng Việt

Đảng Cộng sản Việt Nam (2013). *Nghị Quyết “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.* (Ban hành theo Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 14 tháng 11 năm 2013).

Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2014). *Nghị quyết về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.* (Ban hành theo Nghị quyết số 88/2014/QH13, ngày 28 tháng 11 năm 2014).

Chính phủ Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2008). *Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, giai đoạn 2008-2020”.* (Ban hành theo Quyết định số 1400/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 30 tháng 9 năm 2008).

Chính phủ Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2015). *Quyết định phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.* (Ban hành theo Quyết định số 404/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 27 tháng 3 năm 2015).

Chính phủ Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (2017). *Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, giai đoạn 2017-2025.* (Ban hành theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 22/12/2017).

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2003). *Quyết định về việc ban hành Chương trình môn Tiếng Anh và Tin học ở tiểu học.* (Ban hành theo Quyết định số 50/2003/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, ngày 30 tháng 10 năm 2003).

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006). *Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh.* (Ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 05 tháng 5 năm 2006).

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010). *Chương trình tiếng Anh thí điểm tiểu học*. (Ban hành theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 12 tháng 8 năm 2010).

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012a). *Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh thí điểm cấp trung học cơ sở*. (Ban hành theo Quyết định số 01/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 03 tháng 01 năm 2012).

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn tiếng Anh thí điểm cấp trung học phổ thông*. (Ban hành theo Quyết định số 5209/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 23 tháng 11 năm 2012).

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014). *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*. (Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngày 24 tháng 01 năm 2014).

Bộ Giáo dục Hàn Quốc (2011). *Chương trình giáo dục Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông* (Tài liệu dịch).

B. Tài liệu Tiếng Anh

California Department of Education (2016). *Foreign Language Framework for California Public Schools*. Retrieved from <https://www.cde.ca.gov/ci/cr/cf/documents/foreignlangfrmwrk.pdf>

Council of Europe (2001). *Common European Framework of Reference for Languages: Learning, Teaching, Assessment*. Cambridge: Cambridge University Press.

KeyCoNet (2013). *Developing Key Competences in Schools in Europe*. Retrieved from http://eacea.ec.europa.eu/education/eurydice/documents/thematic_reports/145en.pdf

Littlewood, W. (2002). *Communicative Language Teaching: An Introduction*. Cambridge: Cambridge University Press.

Nunan, D. (1988). *The Learner-Centred Curriculum*. Cambridge: Cambridge University Press.

Richards, J. C, & T. S. Rodgers (2001). *Approaches and Methods in Language Teaching*.

The Commonwealth of Massachusetts Department of Education (1999). *Massachusetts Foreign Languages Curriculum Framework*. Retrieved from <http://www.doe.mass.edu/frameworks/foreign/1999.pdf>